

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ



ĐỀ ÁN

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 13/4/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Phú Thọ, ngày 13 tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT	5
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	5
II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	7
1. Các căn cứ của Trung ương	7
2. Căn cứ của địa phương.....	8
III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	9
IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN	9
1. Đối tượng áp dụng.....	9
2. Phạm vi của Đề án	10
PHẦN THỨ HAI	10
I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ ...	10
1. Đánh giá thực trạng phát triển các hợp tác xã.....	10
2. Đánh giá hiện trạng phát triển của các liên hiệp hợp tác xã	14
3. Đánh giá hiện trạng phát triển các tổ hợp tác	15
4. Kết quả xử lý các HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể	15
II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TẬP THỂ	17
1. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.....	17
2. Về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể ...	18
III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025	19
1. Chính sách đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực.....	21
2. Chính sách hỗ trợ về đất đai.....	21
3. Chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng	22
4. Chính sách hỗ trợ về khoa học, công nghệ	23
5. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	24
6. Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm	25
7. Các chính sách khác	26
IV. SO SÁNH QUY MÔ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TỈNH PHÚ THỌ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SO VỚI CÁC	

TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	26
V. ĐÁNH GIÁ CHUNG.....	28
1. Kết quả đạt được	28
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	29
3. Bài học kinh nghiệm	31
4. Các yếu tố ảnh hưởng và cơ hội, thách thức trong phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.....	31
PHẦN THỨ BA.....	33
I. MỤC TIÊU	33
1. Mục tiêu chung.....	33
2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030	34
3. Định hướng phát triển theo từng lĩnh vực.....	34
II. NỘI DUNG CHỦ YẾU	36
1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT	36
2. Phát triển toàn diện các mô hình HTX/LH HTX điển, hoạt động hiệu quả	37
3. Nâng cao năng lực quản lý điều hành HTX, năng lực chuyên đổi số ..	37
4. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khu vực KTTT	38
5. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm HTX.....	38
6. Hỗ trợ xây dựng, thuê trụ sở, máy móc, thiết bị, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản.....	38
7. Đẩy mạnh tuyên truyền, tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến.....	39
III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	39
1. Giải pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	39
2. Giải pháp thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành trung ương.....	41
IV. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ.....	41
1. Các chính sách hỗ trợ mới theo Nghị định số 113/2024/NĐ-CP	41
1.1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (<i>Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP</i>).....	42

1.2. Chính sách hỗ trợ thông tin (Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)	42
1.3. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn (Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP).....	43
1.4. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả (Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)	44
1.5. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP).....	44
1.6. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường (Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP).....	45
1.7. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị (Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)	45
1.8. Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước (Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)	46
1.9. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro (Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP).....	46
1.10. Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)	47
2. Các chính sách đặc thù của tỉnh.....	48
V. KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN.....	51
1. Khái toán kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ theo Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.....	51
2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí	52
VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	52
CÁC PHỤ LỤC	57

ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2026-2030
-----★-----

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong giai đoạn 2021-2025, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã tiếp tục được nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế quan tâm, xác định là một trong những trụ cột quan trọng của nền kinh tế hiện đại và phát triển bền vững. Theo Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), khu vực kinh tế tập thể đã đóng vai trò tích cực trong phục hồi kinh tế - xã hội sau đại dịch COVID-19, góp phần bảo đảm việc làm, ổn định thu nhập và thúc đẩy sự phát triển các thành phần kinh tế khác.

Đối với các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada, Đức và các quốc gia châu Âu, khu vực hợp tác xã được chú trọng chuyển đổi số, đổi mới mô hình quản trị, mở rộng lĩnh vực hoạt động sang năng lượng tái tạo, tài chính cộng đồng và nông nghiệp công nghệ cao. Ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, nhiều quốc gia đã triển khai mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị nông sản, du lịch cộng đồng, kinh tế tuần hoàn và tín dụng xanh, coi đây là công cụ hữu hiệu để giảm nghèo, tạo việc làm và bảo đảm an sinh xã hội.

Xu hướng phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 trên phạm vi toàn cầu tập trung vào ba trụ cột chính: chuyển đổi số, phát triển bền vững và liên kết chuỗi giá trị, qua đó tạo nền tảng quan trọng để các quốc gia, trong đó có Việt Nam thực hiện định hướng xây dựng chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế và yêu cầu phát triển trong tình hình mới sau khi chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Tại Việt Nam, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã tiếp tục được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo nhiệm vụ phát triển, hỗ trợ thông qua việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng như: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Luật Hợp tác xã 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030 theo Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;...

Sau khi hợp nhất ba tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình, khu vực kinh tế tập thể (KTTT), hợp tác xã (HTX) của tỉnh đứng trước những yêu cầu và thách

thức mới. Không gian phát triển được mở rộng, quy mô và số lượng HTX tăng nhanh, ngành nghề hoạt động đa dạng hơn; tuy nhiên, trình độ phát triển giữa các vùng còn chênh lệch, mức độ liên kết nội vùng và liên tỉnh chưa chặt chẽ, cơ cấu HTX chưa thực sự hợp lý theo lợi thế từng khu vực. Việc thống nhất cơ chế quản lý, chính sách hỗ trợ, hệ thống dữ liệu và phương thức điều hành đối với khu vực KTTT, HTX trên phạm vi toàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi phải có định hướng, giải pháp đồng bộ, thống nhất và mang tính dài hạn.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, kinh tế tập thể, hợp tác xã tiếp tục được Đảng và Nhà nước xác định là một thành phần kinh tế quan trọng, có vai trò nền tảng cùng với kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã khẳng định rõ yêu cầu phải tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, coi đây là nhiệm vụ mang tính chiến lược, lâu dài, góp phần bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế bền vững, bao trùm và nâng cao đời sống Nhân dân. Việc cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và giải pháp của Nghị quyết Trung ương vào điều kiện thực tiễn của tỉnh Phú Thọ là yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải có một đề án chuyên đề, đồng bộ và có tính khả thi cao.

Bên cạnh đó, Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 340/QĐ-TTg đã giao trách nhiệm rõ ràng cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược tại địa phương, lồng ghép các nội dung phát triển kinh tế tập thể trong quá trình hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển. Điều này đặt ra yêu cầu tỉnh Phú Thọ sau khi sáp nhập phải có một khuôn khổ chính sách thống nhất, làm căn cứ tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ và huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong trung và dài hạn.

Mặt khác, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định rõ quan điểm phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở phát huy nội lực, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các thành phần kinh tế làm động lực, bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng miền, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân. Để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 đưa Phú Thọ trở thành cực tăng trưởng của vùng Thủ đô, trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, logistics, du lịch, y tế, đào tạo chất lượng cao, thì khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã cần được cơ cấu lại theo hướng hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị, kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế địa phương. Điều này đòi hỏi phải có định hướng phát triển rõ ràng, giải pháp đồng bộ và lộ trình cụ thể thông qua một đề án phát triển riêng.

Đặc biệt, việc Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Phú Thọ được xác định là một trong các đề án trọng điểm giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch số 10428/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh đã thể hiện sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của tỉnh đối với khu vực kinh tế này. Đây là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng, khẳng định tính cấp thiết và bắt buộc phải xây dựng, ban hành Đề án

nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng và ban hành Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Phú Thọ là hết sức cần thiết, nhằm tạo cơ sở định hướng, hoàn thiện chính sách, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị, sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã; qua đó góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các căn cứ của Trung ương

1.1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023 của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

1.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 17/8/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ tài chính.

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”;

- Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”.

- Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 03/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

- Quyết định số 4024/QĐ-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Đề án “Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050”.

2. Căn cứ của địa phương

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ nhất (nhiệm kỳ 2025-2030).

- Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.

- Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Ban hành Chương trình công tác 6 tháng cuối năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế hoạch số 1528/KH-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (cũ) về thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 2 năm 2023 của Chính phủ; Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ Năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới.

- Kế hoạch số 10428/KH-UBND ngày 01/12/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Kế hoạch số 2351/KH-UBND ngày 14/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Phú Thọ năm 2025.

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Phát triển kinh tế tập thể phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Phú Thọ, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển chuỗi giá trị và yêu cầu hiện đại hóa, bền vững.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tạo môi trường thuận lợi, minh bạch; tăng khả năng tiếp cận chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ.

3. Phát triển hệ thống HTX và LH HTX đúng bản chất, lấy thành viên làm trung tâm; nâng cao năng lực quản trị, mở rộng dịch vụ, nhân rộng mô hình điểm và tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị.

4. Bảo đảm bố trí ngân sách hợp lý, đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực; thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các mô hình sản xuất bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và phù hợp với yêu cầu thị trường.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng áp dụng

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đáp ứng các tiêu chí thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. Trường hợp nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng đáp ứng quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP,

thứ tự ưu tiên được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

- Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi của Đề án

- Xác định các giải pháp, nội dung chính sách, nguồn lực triển khai Đề án Phát triển Kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2025-2030 trong khuôn khổ các cơ chế chính sách chung của Trung ương.

- Các nội dung hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã không đề xuất tại Đề án này được thực hiện hỗ trợ theo các quy định hiện hành.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030.

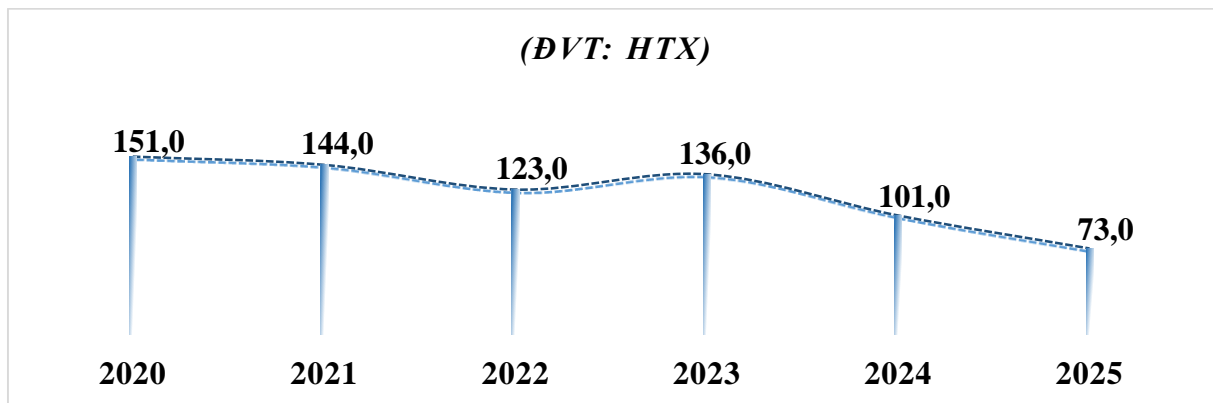
PHẦN THỨ HAI THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

1. Đánh giá thực trạng phát triển các hợp tác xã

Trong giai đoạn 2021-2025, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã của tỉnh Phú Thọ tiếp tục có những bước phát triển mới, đóng góp tích cực vào kết quả tăng trưởng kinh tế và xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 2.130 hợp tác xã, trong đó có 1.797 HTX đang hoạt động (*chiếm khoảng 84,36%*); 03 liên hiệp HTX và khoảng 1.360 tổ hợp tác đang hoạt động.

Trong 05 năm từ 2021-2025, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã ghi nhận sự tham gia của 577 HTX mới¹, cụ thể trong từng năm trong giai đoạn như sau:



Biểu đồ 01 - So sánh số HTX thành lập mới qua các năm từ 2020-2025

Biểu đồ trên cho thấy quá trình phát triển hợp tác xã trong giai đoạn 2021-2025 diễn ra theo hai giai đoạn tương đối rõ nét. Giai đoạn 2021-2023 là giai đoạn tăng trưởng nhanh về số lượng với số HTX thành lập mới luôn ở mức cao, đạt

¹ Trong đó: Khu vực Hòa Bình (cũ): 285 HTX, Phú Thọ (cũ): 273 HTX, Vĩnh Phúc (cũ) 92 HTX.

đỉnh là năm 2021 với 144 HTX, tổng số HTX thành lập mới trong năm 2021-2023 chiếm khoảng 70% tổng số HTX thành lập mới trong cả 05 năm. Kết quả này phản ánh tác động tích cực của việc triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, cùng với nhu cầu phục hồi sản xuất, tái tổ chức các hình thức hợp tác trong cộng đồng sau đại dịch Covid-19.

Từ năm 2024, số HTX thành lập mới có xu hướng giảm dần và đạt thấp nhất vào năm 2025 với 73 HTX mới. Số liệu này cho thấy khu vực kinh tế tập thể đã bước vào giai đoạn ổn định và sàng lọc. Nguyên nhân chủ yếu là do mạng lưới HTX đã được hình thành tương đối rộng khắp, yêu cầu pháp lý và tiêu chuẩn hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2023 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2024) ngày càng chặt chẽ; đồng thời trọng tâm chỉ đạo chuyển từ mở rộng số lượng sang củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTX hiện có và đẩy mạnh xử lý dứt điểm các HTX yếu kém, ngừng hoạt động. Đến năm cuối trong giai đoạn, số lượng HTX thành lập mới giảm 51,66% so với năm 2020.

Xu thế này thể hiện sự chuyển dịch từ phát triển “theo chiều rộng” sang “theo chiều sâu”, phù hợp với định hướng tái cơ cấu khu vực kinh tế tập thể trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó, trọng tâm trong giai đoạn tới không chỉ là gia tăng số lượng HTX, mà là hình thành đội ngũ HTX hoạt động thực chất, có năng lực quản trị, khả năng liên kết chuỗi giá trị và sức cạnh tranh trên thị trường.

Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có gần 188.000 thành viên HTX và trên 155.900 lao động thường xuyên (số liệu rà soát trước thời điểm sáp nhập lần lượt là 216,62 nghìn thành viên và 116,9 nghìn lao động), giảm khoảng 40% thành viên so với năm 2020; tuy nhiên số lượng lao động tăng khoảng 126%. Ước trong năm 2025, có khoảng 44,2% HTX được xếp loại tốt, khá; nhiều mô hình HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả được lựa chọn, nhân rộng, gắn với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển các sản phẩm OCOP, liên kết chuỗi giá trị, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho thành viên HTX.

Tổng số cán bộ quản lý trong các HTX ước đến hết năm là 6.809 người, trong đó đã qua đào tạo cao đẳng, đại học 3.059 người (chiếm 44,9%); trung cấp, sơ cấp 3.750 người (chiếm 55,1%). So với năm 2020, số cán bộ quản lý HTX tăng khoảng 35%, trong đó số cán bộ đạt trình độ cao đẳng, đại học tăng vượt bậc khoảng 85% và số cán bộ đạt trình độ sơ, trung cấp tăng khoảng 36%.

1.1. Hợp tác xã nông nghiệp

Sau hợp nhất, các hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong phát triển kinh tế tập thể. Hiện nay, toàn tỉnh 803 HTX nông nghiệp đang hoạt động và 195 HTX ngừng hoạt động, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số HTX toàn tỉnh; trong năm có 21 HTX nông nghiệp được giải thể.

Riêng trong năm 2025, toàn tỉnh có 30 HTX nông nghiệp được thành lập mới, chiếm 100% số HTX thành lập mới của tỉnh, phản ánh xu hướng mở rộng và nhu cầu liên kết sản xuất của người nông dân và doanh nghiệp.

Các HTX nông nghiệp thu hút khoảng 129,3 nghìn thành viên tham gia, tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 20,6 nghìn lao động với thu nhập bình quân khoảng 4,9 triệu đồng/người/tháng. Doanh thu bình quân một HTX nông nghiệp năm 2025 ước đạt 1.715 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân ước đạt 244 triệu đồng/năm.

Nhiều HTX nông nghiệp đã chủ động ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa, chuyển đổi số trong tổ chức dịch vụ từ đầu vào đến chế biến, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh liên kết chuỗi để tăng sản lượng, năng suất, giảm chi phí đầu vào, giảm tổn thất sau thu hoạch; xuất hiện ngày càng nhiều các mô hình HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả, tiên phong trong tích tụ, tập trung đất đai, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, làm gia tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại giá trị kinh tế cao, phát triển sản phẩm OCOP. Sau sáp nhập, toàn tỉnh Phú Thọ có 619 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP; trong đó có 05 sản phẩm đạt 5 sao, 100 sản phẩm đạt 4 sao (chiếm khoảng 16,16%); các sản phẩm 3 sao không ngừng được hoàn thiện, nâng cao chất lượng².

Nhờ các chính sách hỗ trợ của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 và sự tham gia của doanh nghiệp trong các hoạt động liên kết sản xuất - tiêu thụ, dự kiến đến hết năm 2025 toàn tỉnh có 135 HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị (chiếm khoảng 16,8% HTX nông nghiệp đang hoạt động) và 127 HTX ứng dụng công nghệ cao (chiếm khoảng 15,8% HTX nông nghiệp đang hoạt động). Điều này phản ánh sự chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình sản xuất nhỏ lẻ sang mô hình sản xuất hàng hóa, gắn kết chuỗi, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

Tuy vậy, phần lớn các HTX nông nghiệp có quy mô nhỏ, năng lực quản trị chưa đồng đều; một bộ phận HTX hoạt động còn hình thức, thiếu khả năng cạnh tranh. Các liên hiệp HTX trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động còn mờ nhạt, chưa phát huy rõ vai trò tổ chức liên kết theo chuỗi giá trị.

1.2. Hợp tác xã phi nông nghiệp

a) Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, xây dựng, vận tải - môi trường

Đây là nhóm lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng ổn định và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đa dạng hóa mô hình hợp tác xã của tỉnh, bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại - dịch vụ, vận tải và môi trường.

Đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 607 HTX phi nông nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại - dịch vụ, vận tải và môi trường (*trong đó có 527 HTX đang hoạt động và 80 HTX ngừng hoạt*

² Một số mô hình HTX hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: Mô hình sản xuất lúa Khang Dân theo tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích được là 463 ha tại các HTX dịch vụ nông nghiệp và điện năng Vĩnh Lại, HTX dịch vụ nông nghiệp Cao Xá, HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Hùng Việt, HTX nông nghiệp xã Hùng Việt; HTX chè an toàn Long Cốc đang thực hiện liên kết trồng và sản xuất chè an toàn trên diện tích 35 ha ở xã Long Cốc; HTX thịt chua Thanh Sơn - Phú Thọ; HTX Nấm Tam Đảo; Hợp tác xã Nông nghiệp Đại Lải; Hợp tác xã Vật liệu xây dựng Tuổi Trẻ; HTX Nông nghiệp Mỹ Tân; HTX Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Minh; HTX Gà đồi Hương Nhượng; HTX Nông sản 3T Farm,...

động), thu hút khoảng 42,5 nghìn thành viên tham gia. Các ngành nghề hoạt động đa dạng gồm thương mại dịch vụ, giao thông vận tải, vệ sinh môi trường, sản xuất thủ công mỹ nghệ, chế biến chè - gỗ - nứa, cung cấp điện năng và dịch vụ du lịch cộng đồng, dịch vụ khác.

Hiệu quả kinh doanh của nhóm HTX phi nông nghiệp tương đối khả quan. Doanh thu bình quân năm 2025 đạt 2.255 triệu đồng/HTX/năm, lợi nhuận bình quân đạt 228 triệu đồng/HTX/năm. Đây là khu vực tạo việc làm lớn nhất với khoảng 73,9 nghìn lao động thường xuyên, mức thu nhập bình quân dự kiến 6,0 triệu đồng/người/tháng, thể hiện sức hút lớn với người lao động và khả năng đóng góp vào chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh.

Nhìn chung, hoạt động của các HTX phi nông nghiệp cơ bản ổn định và có xu hướng phát triển bền vững, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải, vệ sinh môi trường và công nghiệp chế biến. Tuy nhiên, một số HTX trong lĩnh vực dịch vụ và thủ công mỹ nghệ quy mô còn nhỏ, thiếu năng lực cạnh tranh, công nghệ lạc hậu và phụ thuộc nhiều vào mùa vụ hoặc biến động thị trường.

Sự phát triển của khu vực HTX phi nông nghiệp cũng chịu những tác động tích cực từ chính sách hỗ trợ của tỉnh, đặc biệt là chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các cơ chế hỗ trợ trong chương trình OCOP, xúc tiến thương mại, chuyển đổi số. Điều này tạo nền tảng để các HTX phi nông nghiệp mở rộng dịch vụ, hình thành mô hình liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ ổn định.

b) Lĩnh vực tín dụng

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 74 Quỹ tín dụng nhân dân (Quỹ TDND) đang hoạt động. Hệ thống Quỹ TDND có khoảng 92.915 thành viên tham gia góp vốn; vốn điều lệ bình quân đạt 8,5 tỷ đồng/quỹ; nguồn vốn huy động đạt khoảng 13.400 tỷ đồng, bình quân đạt khoảng 181 tỷ đồng/quỹ, trong đó chủ yếu là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (chiếm khoảng 99% nguồn vốn huy động); tạo việc làm thường xuyên cho gần 1.000 lao động với thu nhập bình quân đạt khoảng 12,5 triệu đồng/người/tháng.

Đến ngày 31/12/2025, tổng dư nợ cho vay của các Quỹ TDND đạt khoảng 11.450 tỷ đồng; tỷ lệ dư nợ cho vay/vốn huy động đạt khoảng 85%. Cơ cấu dư nợ chủ yếu là cho vay ngắn hạn chiếm tỷ lệ khoảng 82,7% tổng dư nợ, trung, dài hạn chiếm khoảng 17,3% tổng dư nợ. Tổng nợ xấu của các Quỹ TDND khoảng 92,5 tỷ đồng, chiếm khoảng 0,8% dư nợ cho vay của Quỹ TDND.

Riêng trong năm 2025, các Quỹ TDND trên địa bàn đều kinh doanh có lợi nhuận, bình quân một quỹ có chênh lệch thu - chi đạt khoảng 1,79 tỷ đồng, tăng khoảng 23,7% so với năm 2024.

Công tác quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ của các Quỹ TDND có nhiều tiến bộ, trình độ quản lý, chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên ngày càng nâng cao. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã triển khai, tổ chức hoạt động của các Quỹ TDND tuân thủ quy định của pháp luật, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ hoạt động của các Quỹ TDND. Với sự năng động, sáng tạo của

đội ngũ cán bộ, nhân viên, hoạt động của Quỹ TDND ngày càng tạo được niềm tin và uy tín với thành viên, thu hút khách hàng tốt. Hệ thống Quỹ TDND là kênh hỗ trợ vốn vay hiệu quả cho các thành viên góp phần tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, tạo việc làm cho người dân địa phương, giảm nghèo, hạn chế cho vay “tín dụng đen”, ổn định trật tự, đảm bảo an sinh xã hội.

c) Các lĩnh vực khác

Toàn tỉnh có 118 HTX hoạt động trong các lĩnh vực sửa chữa, tư vấn,... với 985 thành viên tham gia (*trong đó, có 93 HTX đang hoạt động và 25 HTX ngừng hoạt động*). Doanh thu bình quân năm 2025 của các HTX ước đạt khoảng 1.300 triệu đồng/năm; lợi nhuận bình quân ước đạt 140 triệu đồng/năm; tạo việc làm thường xuyên cho gần 420 lao động, thu nhập bình quân là 5,5 triệu đồng/người/tháng.

Các HTX hoạt động với quy mô thành viên nhỏ, chủ yếu kinh doanh các loại mặt hàng vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, tư vấn,... Các HTX đã từng bước khắc phục khó khăn, đổi mới hoạt động, đa dạng sản phẩm, dịch vụ để thích ứng với thị trường. Một số HTX đã mạnh dạn đầu tư, khai thác thế mạnh của địa phương phát triển dịch vụ bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho thành viên, đồng thời góp phần giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống của địa phương.

Nhìn chung, hoạt động của HTX trong các lĩnh vực này có tính chất đa dạng, dù chưa phát triển mạnh mẽ nhưng trong những năm gần đây đã có sự mở rộng rõ nét về ngành, nghề và loại hình hoạt động. Sự chuyên dịch này cho thấy khả năng thích ứng ngày càng linh hoạt của khu vực HTX trước yêu cầu của thị trường, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân, doanh nghiệp, qua đó mở ra dư địa phát triển mới cho khu vực kinh tế tập thể trong thời gian tới.

2. Đánh giá hiện trạng phát triển của các liên hiệp hợp tác xã

Toàn tỉnh Phú Thọ có 03 Liên hiệp HTX hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, với 21 HTX thành viên tham gia. Các LHHTX được hình thành với mục tiêu hỗ trợ HTX thành viên tổ chức sản xuất, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, hoạt động của các LH HTX trong thực tế còn hạn chế so với kỳ vọng và tiềm năng.

LHHTX trên địa bàn nhìn chung mới ở giai đoạn đầu phát triển, quy mô nhỏ, năng lực quản trị và điều phối còn yếu. Các LHHTX chưa phát huy rõ vai trò là tổ chức cấp trung gian giữa HTX và doanh nghiệp; mức độ tham gia vào hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết tiêu thụ sản phẩm chưa nhiều; khả năng dẫn dắt, hỗ trợ thị trường còn hạn chế. Việc tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, vốn là nhiệm vụ cốt lõi của LHHTX vẫn chủ yếu do từng HTX tự thực hiện, thiếu sự liên kết đồng bộ. Đến hết năm 2025, doanh thu bình quân của các LHHTX ước đạt khoảng 1.630 triệu đồng, lãi bình quân khoảng 150 triệu đồng/LHHTX, tăng so với năm 2024 tuy nhiên vẫn ở mức thấp, chưa tương xứng với vai trò của tổ chức cấp liên kết.

Trong giai đoạn 2021-2025, LHHTX chưa tạo được dấu ấn rõ rệt trong liên kết sản xuất - tiêu thụ, chưa trở thành đầu mối bảo đảm đầu ra cho HTX và chưa thực sự trở thành cầu nối giữa HTX và doanh nghiệp. Điều này cũng phản ánh hạn chế chung trong năng lực quản trị, quy mô vốn, nguồn nhân lực và phạm vi hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể cấp trên cơ sở.

3. Đánh giá hiện trạng phát triển các tổ hợp tác

Tổ hợp tác (THT) tiếp tục là lực lượng quan trọng trong phát triển kinh tế cộng đồng và là “tiền đề” để hình thành các mô hình hợp tác xã. Trong giai đoạn có 68 THT thành lập mới, có xu hướng giảm gia nhập thị trường (giảm khoảng 19,0% so với năm 2020). Đến nay toàn tỉnh có 1.360 THT với khoảng 10.120 thành viên tham gia, trong đó có 726 THT đã thực hiện đăng ký hoạt động với chính quyền địa phương. So với năm 2020, số lượng THT đăng ký chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã tăng khoảng 147%³.

Trong năm 2025, doanh thu bình quân của các THT đạt khoảng 355 triệu đồng/năm/THT, lãi bình quân khoảng 46,7 triệu đồng/năm/THT.

THT hoạt động trong nhiều lĩnh vực như sản xuất nông nghiệp, các hoạt động dịch vụ nhỏ lẻ, vệ sinh môi trường, chế biến thủ công,... theo hình thức hợp tác tự nguyện của các hộ dân. Quy mô hoạt động của THT nhỏ, chủ yếu cung cấp dịch vụ sản xuất - tiêu thụ, chia sẻ lao động và hỗ trợ nhau trong sản xuất mùa vụ.

Theo quy định của Luật Hợp tác xã, các THT phải đăng ký hoạt động để được công nhận và quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều THT chưa thực sự quan tâm đến việc đăng ký, còn hoạt động mang tính tự phát, chưa có tổ chức điều hành rõ ràng và chưa tiếp cận được các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

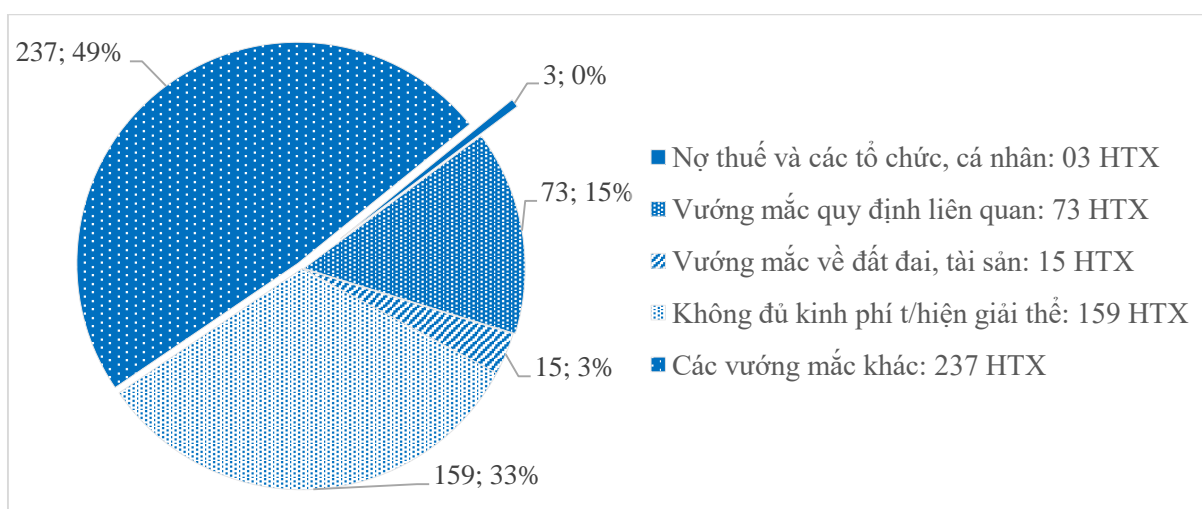
Các THT có vai trò quan trọng trong huy động cộng đồng, thúc đẩy hợp tác sản xuất và góp phần giải quyết việc làm tại địa phương. Tuy nhiên, số lượng THT chuyển đổi thành HTX còn hạn chế; nhiều THT hoạt động kém bền vững do thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, thiếu đầu ra cho sản phẩm và chưa được tiếp cận chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản trị.

Nhìn chung, THT vẫn là cấp độ hợp tác nền tảng, nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa phát huy hết vai trò “vườn ươm HTX”. Việc nâng cao chất lượng hoạt động của THT, tăng cường hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã 2023 và hỗ trợ chuyển đổi lên HTX là yêu cầu quan trọng trong giai đoạn tới.

4. Kết quả xử lý các HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể

Theo kết quả thống kê đến hết ngày 31/12/2020, trên địa bàn các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình (cũ) còn 487 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể hoặc chưa được tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã 2012, được phân loại như sau:

³³ Năm 2020, toàn tỉnh có 294 THT thực hiện đăng ký hoạt động theo quy định (Số liệu lũy kế của 03 tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình (cũ)).

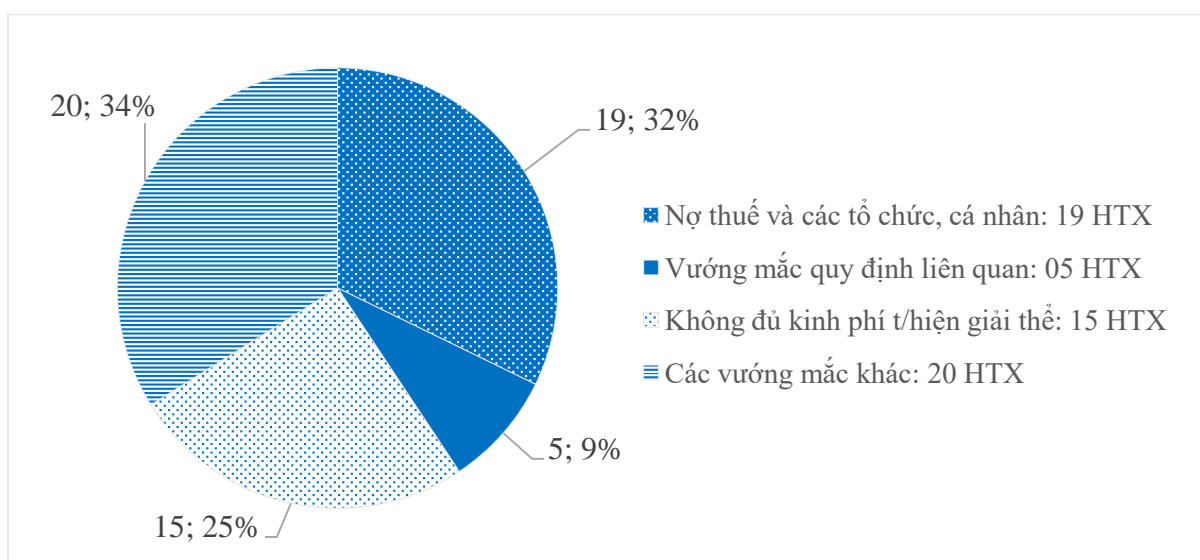


Biểu đồ 02 - Phân loại HTX phát sinh vướng mắc trước năm 2020

Cụ thể, có 03 HTX ngừng hoạt động và có nợ nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước, nợ các tổ chức tín dụng, nợ thành viên và các tổ chức kinh tế khác (chiếm khoảng 0,006%); có 73 HTX ngừng hoạt động nhưng chưa tiến hành giải thể do gặp vướng mắc về quy định pháp luật về hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan (chiếm khoảng 15%); có 15 HTX ngừng hoạt động do vướng mắc một số nội dung liên quan đến đất đai và xử lý các tài sản trên đất (chiếm khoảng 3%); có 159 HTX không có đủ kinh phí để tiến hành các thủ tục giải thể hoạt động (chiếm khoảng 33%). Còn lại 237 HTX đã ngừng hoạt động trong một thời gian dài nhưng chưa thực hiện giải thể tự nguyện hoặc cơ quan nhà nước không thể liên hệ với đại diện của HTX để làm việc, yêu cầu giải thể bắt buộc theo quy định; không có HTX vướng mắc do khiếu kiện, khiếu nại đối với HTX (chiếm khoảng 49%).

Trong năm 2025, tỉnh Phú Thọ có 104 HTX đã được thực hiện thủ tục giải thể theo quy định, nâng tổng số HTX được tiến hành giải thể theo quy định trong giai đoạn 2021-2025 là 362 HTX, đạt khoảng 66,3% so với kế hoạch đề ra (*dự kiến giải thể 100% HTX ngừng hoạt động, hoạt động không hiệu quả trong giai đoạn 2021-2025*).

Đến hết năm 2025, toàn tỉnh còn 333 HTX ngừng hoạt động, chưa giải thể, bao gồm 274 HTX có vướng mắc phát sinh đến năm 2020 và 59 HTX có vướng mắc phát sinh trong giai đoạn 2021-2025 chưa được giải quyết triệt để. Kết quả thống kê, phân loại 59 HTX phát sinh trong giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau:



Biểu đồ 03 - Phân loại HTX có vướng mắc phát sinh đến ngày 15/12/2025

Theo số liệu nêu trên, số lượng HTX ngừng hoạt động có phát sinh nợ đối với ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác trong giai đoạn 2021-2025 tăng khoảng 06 lần so với số liệu năm 2020; trong khi đó số lượng HTX ngừng hoạt động nhưng chưa giải thể được do vướng mắc quy định của pháp luật về hợp tác xã giảm nhiều so với giai đoạn trước, khoảng 95%; có 15 HTX không có đủ kinh phí thực hiện giải thể, 20 HTX gặp các vướng mắc khác nên không đủ điều kiện giải thể và không có HTX gặp vướng mắc về đất đai, tài sản trên đất dẫn đến không thể thực hiện thủ tục giải thể theo quy định.

Như vậy, số lượng HTX ngừng hoạt động chưa được giải thể còn lớn, đặc biệt là 274 HTX phát sinh vướng mắc từ trước năm 2020 đến nay chưa được giải quyết triệt để. Một số HTX còn nợ nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước, tổ chức tín dụng, thành viên hoặc bên thứ ba; nhiều HTX không còn đủ kinh phí để thực hiện thủ tục giải thể theo quy định; một bộ phận HTX kéo dài tình trạng “mất kết nối” - cơ quan quản lý nhà nước không liên hệ được với người đại diện, gây khó khăn cho chính quyền trong việc hướng dẫn thực hiện thủ tục giải thể.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TẬP THỂ

1. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Sau sáp nhập, bộ máy quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, liên thông và tăng cường trách nhiệm của cơ quan chuyên môn. Cơ quan đầu mối tham mưu tổng hợp cho Ủy ban nhân dân tỉnh hiện nay là Sở Tài chính, thực hiện cả hai chức năng tham mưu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cơ chế chính sách, đồng thời tham mưu về tài chính, ngân sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Việc hợp nhất hai sở trước đây giúp tăng tính đồng bộ trong hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ hợp tác xã.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì quản lý nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp và môi trường, đảm nhận vai trò quan trọng trong hướng

dẫn chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã, phát triển chuỗi giá trị nông sản, quản lý vùng nguyên liệu, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt và cung cấp dịch vụ công liên quan đến đất đai của HTX.

Các lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ hợp tác xã thuộc trách nhiệm chuyên môn của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, thực hiện các nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ, tư vấn, đào tạo và kết nối thị trường cho HTX.

Việc triển khai các nhiệm vụ kinh tế tập thể được thống nhất thông qua hoạt động của các Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể cấp tỉnh⁴, cấp huyện. Sau khi hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể của tỉnh mới⁵ để chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, đôn đốc hoạt động giữa các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và các địa phương trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng, hoàn thiện và hướng dẫn các cơ chế, chính sách có liên quan.

Một trong những hạn chế lớn nhất là đội ngũ cán bộ phụ trách kinh tế tập thể các cấp chủ yếu là kiêm nhiệm, không có biên chế chuyên trách tại các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là Ủy ban nhân dân cấp xã. Nhiều cán bộ phải đảm nhiệm đồng thời nhiều nhiệm vụ về kinh tế - xã hội, dẫn đến việc nắm bắt quy định pháp luật mới, hỗ trợ HTX chuyển đổi mô hình hoạt động, xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh hoặc giải quyết khó khăn phát sinh chưa kịp thời và chưa sâu sát, đáp ứng nhu cầu của HTX. Năng lực chuyên môn về mô hình HTX kiểu mới, quản trị HTX theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số và tiếp cận thị trường còn chưa đồng đều, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách ở cấp cơ sở.

Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể chưa được chuẩn hóa đồng bộ theo mô hình tỉnh mới; việc kết nối dữ liệu giữa Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh hợp tác xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường còn hạn chế, đặc biệt là sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, dẫn đến những khó khăn trong đánh giá, dự báo và hoạch định chính sách.

2. Về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể

Việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 được thực hiện tương đối đầy đủ nhưng vẫn còn những điểm nghẽn cần khắc phục.

⁴ Ban Chỉ đạo Phát triển kinh tế tập thể của các tỉnh (cũ) được kiện toàn tại Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (cũ), Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ).

⁵ Tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Phát triển kinh tế tập thể tỉnh Phú Thọ.

Công tác phổ biến chính sách, tập huấn triển khai thi hành Luật Hợp tác xã 2023 được tổ chức thường xuyên hơn, nhưng ở nhiều địa phương, chất lượng tuyên truyền chưa cao, thiếu tính chuyên sâu, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cán bộ cơ sở và thành viên HTX.

Việc hướng dẫn đăng ký, chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã 2023 được thực hiện chưa đồng đều giữa các địa phương. Nguyên nhân chủ yếu do năng lực của cán bộ đầu mối còn hạn chế, một số cán bộ cơ sở chưa nắm chắc quy định mới, trong khi HTX còn lúng túng trong việc lập điều lệ, xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh, tổ chức bộ máy và cập nhật thông tin theo yêu cầu luật mới.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của HTX được tăng cường, nhất là trong lĩnh vực đất đai, môi trường, an toàn thực phẩm và tài chính. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn thiên về kiểm tra - xử lý, chưa kết hợp tốt với nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, định hướng mô hình sản xuất hoặc củng cố năng lực quản trị của các HTX. Tình trạng HTX ngừng hoạt động nhưng chưa được giải thể vẫn diễn ra ở nhiều nơi, làm giảm tính minh bạch và gây khó khăn cho công tác thống kê.

Nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX nhìn chung còn hạn chế, nhất là các chính sách về đầu tư hạ tầng, tín dụng ưu đãi, chuyển đổi số và phát triển thị trường. Việc lồng ghép vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình nông thôn mới, khuyến nông - khuyến công, OCOP và các cơ chế hỗ trợ khác chưa nhịp nhàng; thủ tục còn phức tạp, làm giảm khả năng tiếp cận chính sách của HTX.

Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực HTX có chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng yêu cầu mới. Nội dung đào tạo còn dàn trải, chưa có chương trình chuyên sâu theo nhóm lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực phi nông nghiệp; chưa chú trọng đào tạo quản trị theo chuỗi giá trị, chuyển đổi số, marketing trên môi trường số và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; chưa thu hút được đội ngũ trí thức trẻ, kỹ sư nông nghiệp, kỹ sư công nghệ về làm việc hoặc tham gia các giai đoạn sản xuất, kinh doanh trong HTX.

Mặc dù công tác triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể trong thời gian qua đã đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế về bộ máy, năng lực cán bộ, nguồn lực hỗ trợ và cơ chế phối hợp. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đổi mới phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn 2026-2030, phù hợp với mô hình và định hướng phát triển bền vững của tỉnh mới sau sáp nhập.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Trong giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở quán triệt và triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh

Phúc và Hòa Bình (cũ) đã chủ động ban hành đồng bộ nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, tạo hành lang pháp lý và cơ chế hỗ trợ thiết thực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Theo đó, cả ba tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình (cũ) đều nghiêm túc quán triệt và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương như Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Quyết định số 1804/QĐ-TTg, Quyết định số 167/QĐ-TTg, Quyết định số 1318/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời ban hành hệ thống chương trình, kế hoạch, nghị quyết, đề án để tổ chức thực hiện thống nhất trên địa bàn.

Trên nền tảng chung đó, mỗi khu vực đã chủ động xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển riêng: tỉnh Phú Thọ (cũ) định hướng gắn phát triển KTTT với tái cơ cấu nông nghiệp và các sản phẩm chủ lực như chè, bưởi, chuối, quế⁶; tỉnh Hòa Bình (cũ) lồng ghép mạnh mẽ nội dung hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trong Chương trình xây dựng nông thôn mới và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số⁷; trong khi đó tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) tập trung hoàn thiện mô hình HTX kiểu mới, ban hành các chính sách hỗ trợ chuyên đề và đề án phát triển KTTT, HTX cấp tỉnh⁸.

Cách tiếp cận như trên vừa bảo đảm sự thống nhất trong triển khai chủ trương của Trung ương, vừa phát huy tính chủ động, linh hoạt của từng địa phương, qua đó hình thành hệ thống chính sách tương đối toàn diện, phù hợp thực tiễn, tạo động lực quan trọng thúc đẩy khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển trong giai đoạn 2021-2025.

Theo thông kê, tổng kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển KTTT, HTX của cả tỉnh trong giai đoạn đạt khoảng 342,898 tỷ đồng, trong đó:

- Các chính sách chung về hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT, nâng cao năng lực nhận thức cho khu vực KTTT, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm: Tỉnh đã bố trí và giải ngân khoảng 68,883 tỷ đồng để triển khai các hoạt động hỗ trợ cho 1.187 HTX và khoảng hơn 5.200 lượt người được tham gia bồi dưỡng, đào tạo trong 05 năm.

⁶ Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 về quy định nội dung, mức hỗ trợ Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn của của HĐND tỉnh Phú Thọ (cũ).

⁷ Nghị quyết số 182/2022/NQ-HĐND ngày 22/10/2022 quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số công trình, dự án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (lồng ghép nội dung theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg) và Nghị quyết số 218/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hòa Bình (cũ) quy định về chính sách đặc thù, tín dụng, thúc đẩy tập trung đất đai tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

⁸ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) về việc phê duyệt Đề án phát triển KTTT, HTX tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 05/5/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Các chính sách hỗ trợ khác của địa phương, như hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, tiếp cận vốn tín dụng, tiếp cận vốn quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hỗ trợ giao đất, cho thuê đất, Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 266,226 tỷ đồng; trực tiếp hỗ trợ 274 HTX.

- Ngoài ra, 03 tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình (cũ) còn thực hiện hỗ trợ hơn 50 HTX thông qua việc triển khai các chính sách hỗ trợ theo các Nghị quyết đặc thù của địa phương, tổng kinh phí thực hiện khoảng 10,405 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện các chính sách cụ thể như sau:

1. Chính sách đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực

Thực hiện các chính sách đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực tại chỗ, tỉnh Phú Thọ đã triển khai đồng bộ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản trị HTX và thành viên HTX. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã tổ chức trên 80 lớp đào tạo, tập huấn với hơn 5.000 lượt cán bộ và thành viên HTX tham gia (*số liệu tổng hợp của 03 tỉnh cũ*).

Trước khi sáp nhập, tỉnh Hòa Bình (cũ) đã tổ chức 613 lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho 33.233 lượt người, tạo chuyển biến sâu rộng về trình độ quản lý, kỹ thuật sản xuất và nhận thức về mô hình HTX kiểu mới. Trong khi đó, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đã bố trí 4.427 triệu đồng để thực hiện chính sách đưa cán bộ trẻ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc tại HTX theo Quyết định số 1231/QĐ-BNN-KTHT ngày 09/4/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) về phê duyệt Kế hoạch triển khai thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.

Tại tỉnh Phú Thọ (cũ), số cán bộ HTX có trình độ cao đẳng, đại học tăng 187,5% so với năm 2020, giúp cho việc tổ chức các lớp đào tạo quản trị HTX, kế toán, chuyển đổi số và lập phương án sản xuất - kinh doanh cho các HTX được triển khai thực hiện hiệu quả hơn, cơ bản đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng, đào tạo của các HTX trong tình hình mới.

Nhóm chính sách này đã góp phần nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, quản trị và tuân thủ pháp luật của HTX, tạo nền tảng cho phát triển bền vững. Thông qua các các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT, đã có 131 người được cử đi đào tạo, 5.056 lượt người được tham gia các lớp bồi dưỡng và có 36 lao động trẻ được bố trí làm việc tại các tổ chức KTTT; tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn đạt khoảng 17,62 tỷ đồng.

2. Chính sách hỗ trợ về đất đai

Trong giai đoạn, tỉnh Phú Thọ đã quan tâm hỗ trợ HTX về thủ tục đất đai, tiếp cận đất sản xuất và đất xây dựng hạ tầng phục vụ chế biến nông sản. Nhiều HTX tại tỉnh Phú Thọ (cũ) cũng đã được hỗ trợ tiếp cận đất đai thông qua chương trình dồn đổi, tích tụ ruộng đất để phát triển vùng nguyên liệu gắn với chuỗi giá

trị. Khu vực Hòa Bình (cũ) đã tổ chức hỗ trợ 07 HTX⁹ hoàn thiện hồ sơ giao đất, thuê đất để xây dựng nhà xưởng, khu sơ chế, kho bảo quản và vùng nguyên liệu; góp phần hình thành các vùng sản xuất tập trung, tổng diện tích thực hiện khoảng 507.179,5 m². Do hạn chế về quỹ đất, trong giai đoạn 2021-2025 khu vực Vĩnh Phúc (cũ) đã hỗ trợ thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 HTX với tổng diện tích 29.333,6 m².

Nhóm chính sách này bước đầu tạo điều kiện pháp lý cho HTX mở rộng quy mô sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu đủ lớn để tham gia chuỗi giá trị. Kết thúc giai đoạn 2021-2025, số lượng HTX được hỗ trợ thuê đất chỉ đạt con số khiêm tốn là 12 HTX, tổng diện tích đất được cho thuê khoảng 53,65 ha.

3. Chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng

Chính sách tín dụng được triển khai thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và hệ thống ngân hàng thương mại tại địa phương. Tỉnh Hòa Bình (cũ) đã cho 32 HTX và 18 thành viên HTX vay vốn với tổng dư nợ cho vay khoảng 18,33 tỷ đồng, hỗ trợ đầu tư máy móc, hạ tầng và mở rộng sản xuất. Các ngân hàng chính sách xã hội, ngân hàng nông nghiệp triển khai cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất đối với HTX vay vốn đầu tư hạ tầng, thiết bị và phát triển sản xuất

Tại khu vực Phú Thọ (cũ), các Quỹ do Liên minh Hợp tác xã tỉnh quản lý hoạt động tương đối hiệu quả và ổn định, đến hết năm 2024 tổng dư nợ cho vay các Quỹ do Liên minh HTX tỉnh quản lý là 104 dự án với tổng số tiền 25,807 tỷ đồng (*trong đó: Quỹ Quốc gia về việc làm với 24 dự án với số tiền 1,952 tỷ đồng, Quỹ Quay vòng với 06 dự án với số tiền 1,295 tỷ đồng, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã giải ngân 74 dự án với số tiền 22,560 tỷ đồng*).

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tín dụng cho các HTX sau khi sáp nhập, Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thông qua Đề án thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 28/10/2025. Theo đó, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (*khoảng 128,869 tỷ đồng*),

⁹ (1) Hợp tác xã rau quả nghĩa phương thực hiện dự án xây dựng Chợ rau quả thực phẩm Nghĩa Phương tại phường Hoà Bình; (2) Hợp tác xã Sản xuất và Dịch vụ nông nghiệp Hạ Bì thực hiện dự án xây dựng trụ sở, trồng rau sạch, ươm cây giống và sản xuất mạ khay tại xã Kim Bôi. Quy mô diện tích thực hiện dự án khoảng 27.550,7 m², trong đó diện tích xin thuê 6.000,7 m² và diện tích liên doanh liên kết với các hộ gia đình 21.550,0 m²; (3) Hợp tác xã sản xuất và Dịch vụ nông nghiệp Hạ Bì xây dựng trụ sở và cửa hàng bán, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp tại xã Kim Bôi, diện tích thực hiện dự án 308,0 m²; (4) Hợp tác xã đầu tư và Phát triển chợ Đà Bắc thực hiện dự án Khu thương mại, dịch vụ kết hợp chợ truyền thống Đà Bắc tại xã Đà Bắc, diện tích thực hiện dự án 10.294,6 m²; (5) Hợp tác xã Phương Liệt xin chuyển mục đích sử dụng 491.911,2 m² đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn sang đất nông nghiệp tại xã Cao Dương; (6) Hợp tác xã Nông nghiệp, Dịch vụ Tổng hợp Bắc Sơn thực hiện dự án xây dựng trụ sở tại xã Nật Sơn, diện tích thực hiện dự án 710 m²; (7) Hợp tác xã vật liệu xây dựng Tiến Phong thực hiện dự án khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xóm Tôm, xã Thịnh Minh.

hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thực hiện chức năng cho vay HTX, LHHTX, THT và thành viên theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

Chính sách tài chính - tín dụng đã tạo điều kiện quan trọng để HTX nâng cấp trang thiết bị, cải thiện năng lực chế biến và tăng quy mô sản xuất. Tuy nhiên, với số vốn điều lệ còn hạn chế, các Quỹ hiện nay chỉ đáp ứng khoảng 20% số HTX vay vốn và khoảng 10% nhu cầu vốn đầu tư của các HTX.

4. Chính sách hỗ trợ về khoa học, công nghệ

Hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ là điểm sáng nổi bật của cả ba tỉnh. Nhiều HTX tại khu vực tỉnh Phú Thọ (cũ) được hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, làm tăng doanh thu bình quân HTX 164,5% và tăng lợi nhuận 192,8% so với năm 2020. Trong giai đoạn, có 02 đề tài khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng thực tế (*Đề tài cấp tỉnh: Xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử nông sản an toàn tỉnh Phú Thọ (thực hiện từ năm 2020)* và *Đề tài cấp cơ sở: Xây dựng mô hình hợp tác xã thông minh qua chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*) và các dự án khoa học ứng dụng trong một số mô hình sản xuất nông nghiệp khác¹⁰.

Khu vực Hòa Bình (cũ) đã bố trí 8.907 triệu đồng để hỗ trợ tư vấn, chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ; cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho 37 HTX và hỗ trợ hoàn thiện tiêu chuẩn chất lượng cho 43 HTX/THT; cấp 21 mã số vùng trồng xuất khẩu, 23 mã số vùng trong nước, hỗ trợ máy móc thiết bị trị giá 1.128,5 triệu đồng cho 05 HTX và triển khai mô hình ứng dụng công nghệ cao trị giá 808,31 triệu đồng.

Tại khu vực tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), có 03 HTX được hỗ trợ phát triển nhãn hiệu sản phẩm với kinh phí 45 triệu đồng, hỗ trợ đầu tư máy móc chế biến khoảng 395 triệu đồng và triển khai một số mô hình ứng dụng công nghệ mới.

Các số liệu cho thấy chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ đã tạo ra tác động mang tính “đột phá chất lượng” đối với khu vực KTTT, không chỉ cải thiện kỹ thuật sản xuất mà còn làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức hoạt động của HTX. Việc tăng doanh thu và lợi nhuận bình quân của các HTX tại khu vực Phú Thọ (cũ) so với năm 2020 đã phản ánh rõ hiệu quả lan tỏa của chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, quản trị và

¹⁰ Dự án khoa học Thúc đẩy áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng tại các HTX trên địa bàn tỉnh Phú Thọ do Liên minh HTX tỉnh Phú Thọ (cũ) chủ trì; dự án Ứng dụng công nghệ thông minh xây dựng mô hình chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học tại huyện Yên Lập do HTX nông nghiệp tổng hợp Yên Lập chủ trì thực hiện; dự án khoa học Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Mường Kịt” cho sản phẩm cam, quýt của huyện Tân Sơn” do HTX cây ăn quả và dược liệu Mường Kịt chủ trì thực hiện; Xây dựng mô hình HTX ứng dụng khoa học công nghệ phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị tại xã Tân Phú và xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, Phú Thọ do Liên minh HTX phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư thực hiện.

tiêu thụ sản phẩm, là minh chứng thực tiễn cho thấy khoa học - công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà đã trở thành động lực tăng trưởng trực tiếp của HTX.

Các đề tài khoa học được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng, đặc biệt là sàn giao dịch thương mại điện tử nông sản và mô hình “HTX thông minh”, đã góp phần hình thành phương thức sản xuất kinh doanh mới, giúp HTX tiếp cận thị trường rộng hơn, giảm phụ thuộc vào thương lái, nâng cao tính minh bạch và giá trị thương hiệu. Tại Hòa Bình (cũ), việc tiêu chuẩn hóa sản xuất (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ), cấp mã số vùng trồng và hỗ trợ thiết bị đã từng bước đưa HTX tham gia vào chuỗi giá trị có yêu cầu cao, mở ra khả năng tiếp cận thị trường xuất khẩu. Mặc dù quy mô hỗ trợ còn khiêm tốn, nhưng việc tập trung vào nhãn hiệu và máy móc chế biến đã giúp một số HTX chuyển từ sản xuất thô sang chế biến, gia tăng giá trị sản phẩm.

Xét về tổng thể, nhóm chính sách này đã thúc đẩy sự chuyển dịch từ mô hình HTX truyền thống sang mô hình HTX hiện đại, gắn với tiêu chuẩn, công nghệ và thị trường. Tuy nhiên, mức độ thụ hưởng giữa các địa phương và giữa các HTX còn chưa đồng đều; số HTX được tiếp cận công nghệ cao vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng số HTX toàn tỉnh. Điều này đặt ra yêu cầu trong giai đoạn 2026-2030 phải coi khoa học - công nghệ và chuyển đổi số là trụ cột trung tâm trong phát triển KTTT, mở rộng diện áp dụng chính sách, gắn hỗ trợ công nghệ với đào tạo quản trị và kết nối thị trường, qua đó hình thành đội ngũ HTX có năng lực cạnh tranh thực chất trong nền kinh tế số.

5. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Trong 05 năm triển khai thực hiện, các chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đã tạo ra bước chuyển căn bản trong tư duy thị trường của các hợp tác xã, từ chỗ sản xuất mang tính “tự phát, tự tiêu thụ” sang tiếp cận thị trường theo hướng chủ động, có định hướng và gắn với nhu cầu của người tiêu dùng. Thông qua các hoạt động kết nối cung - cầu, hội chợ, triển lãm, hỗ trợ tiêu thụ nông sản, phát triển sản phẩm OCOP, tem QR truy xuất nguồn gốc và xây dựng nhãn hiệu, HTX từng bước hình thành kỹ năng tiếp cận thị trường, cải tiến mẫu mã, bao bì, nâng cao chất lượng sản phẩm và chuẩn hóa quy trình sản xuất. Sự thay đổi này không chỉ giúp mở rộng đầu ra mà còn làm gia tăng giá trị sản phẩm, góp phần chuyển HTX từ vị thế “*người bán nguyên liệu*” sang “*chủ thể tham gia chuỗi giá trị*”.

Với 889 lượt HTX được hỗ trợ trong giai đoạn 2021-2025, tổng kinh phí hơn 22 tỷ đồng (*trong đó có khoảng 15,983 tỷ đồng từ ngân sách trung ương và khoảng 6,045 tỷ đồng được ngân sách địa phương hỗ trợ*), chính sách xúc tiến thương mại đã có độ bao phủ tương đối rộng và tạo hiệu ứng lan tỏa trong toàn khu vực KTTT. Tỷ trọng lớn nguồn lực từ ngân sách trung ương cho thấy sự quan tâm của Nhà nước đối với việc đưa HTX hội nhập thị trường, đồng thời phản ánh vai trò chủ động của địa phương trong việc huy động và tổ chức thực hiện. Thực tiễn triển khai cho thấy, những HTX tham gia thường xuyên các chương trình xúc

tiền có xu hướng tăng doanh thu, ổn định đầu ra và xây dựng được tệp khách hàng bền vững hơn so với các HTX còn đứng ngoài thị trường.

Tuy nhiên, hiệu quả giữa các HTX chưa đồng đều; một bộ phận HTX vẫn còn lúng túng trong khâu hoàn thiện sản phẩm, đàm phán thương mại và duy trì quan hệ thị trường sau các chương trình xúc tiến, hoạt động hỗ trợ. Điều này đặt ra yêu cầu trong giai đoạn 2026-2030 phải chuyển trọng tâm từ “*hỗ trợ tham gia sự kiện*” sang “*hỗ trợ năng lực thị trường*” cho HTX, gắn xúc tiến thương mại với đào tạo kỹ năng tiếp thị, nghiên cứu thị trường, thương mại điện tử, tiêu chuẩn hóa sản phẩm và kết nối bền vững với doanh nghiệp, hệ thống phân phối. Chỉ khi HTX thực sự làm chủ được thị trường, chính sách xúc tiến mới phát huy đầy đủ vai trò là đòn bẩy nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của khu vực kinh tế tập thể.

6. Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng đã tác động trực tiếp vào “điểm nghẽn” lớn nhất của khu vực hợp tác xã là thiếu mặt bằng sản xuất, thiếu thiết bị chế biến và hạ tầng bảo quản sau thu hoạch.

Tại khu vực Phú Thọ và Vĩnh Phúc (cũ), việc hỗ trợ nhà màng, hệ thống tưới, máy móc sơ chế và đóng gói thông qua các chương trình khuyến công, khuyến nông đã giúp HTX tiếp cận phương thức sản xuất hiện đại, từng bước chuyển từ mô hình thủ công sang bán công nghiệp. Những hạng mục này có ý nghĩa đặc biệt đối với HTX nông nghiệp, khi chi phí đầu tư ban đầu lớn vượt quá khả năng tự tích lũy của HTX, trong khi hiệu quả lại mang tính dài hạn và lan tỏa.

Việc khu vực Hòa Bình (cũ) bố trí hơn 25 tỷ đồng cho 26 HTX, tập trung vào nhà xưởng, dây chuyền chế biến, kho lạnh và điểm thu gom, cho thấy định hướng chuyển HTX từ sản xuất thô sang tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị. Các hạng mục này không chỉ nâng cao năng lực sản xuất mà còn tạo điều kiện để HTX chủ động khâu sơ chế, bảo quản và phân phối, qua đó kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm phụ thuộc vào thương lái và hạn chế tình trạng “được mùa mất giá” phổ biến trong nông vụ.

Thực tiễn cho thấy, các HTX được hỗ trợ hạ tầng thường có mức tăng trưởng doanh thu và khả năng tham gia thị trường cao hơn rõ rệt so với các HTX chưa được đầu tư. Hạ tầng sản xuất chế biến không chỉ là điều kiện vật chất mà còn là tiền đề để HTX tiếp cận các chính sách khác như khoa học - công nghệ, tiêu chuẩn hóa chất lượng, xúc tiến thương mại và liên kết với doanh nghiệp. Tuy nhiên, phạm vi thụ hưởng còn hạn chế so với tổng số HTX toàn tỉnh, mức đầu tư bình quân/HTX chưa cao và còn phân tán.

Điều này đặt ra yêu cầu trong giai đoạn 2026-2030 cần chuyển từ hỗ trợ dàn trải sang đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên HTX có phương án sản xuất - kinh doanh khả thi, có khả năng hình thành vùng nguyên liệu và tham gia chuỗi giá trị. Hỗ trợ hạ tầng cần được thiết kế như đòn bẩy phát triển, gắn chặt với tiêu chí hiệu quả, liên kết thị trường và cam kết đổi mới quản trị, nhằm hình thành các HTX nòng cốt, có vai trò dẫn dắt và lan tỏa trong khu vực kinh tế tập thể.

7. Các chính sách khác

Các chính sách hỗ trợ đặc thù khác tại khu vực tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình (cũ) đã đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hệ sinh thái hỗ trợ hợp tác xã theo hướng gắn với thị trường, thương hiệu và đặc thù từng địa bàn.

Trong đó, Chương trình OCOP đã bố trí 16,116 tỷ đồng từ ngân sách địa phương để hỗ trợ 31 hợp tác xã, tập trung vào chuẩn hóa sản phẩm, hoàn thiện bao bì, nhãn mác và nâng hạng sao, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và khả năng tiếp cận thị trường của sản phẩm HTX. Đồng thời, có 17 HTX được thụ hưởng chính sách hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo nền tảng hình thành các chuỗi giá trị bền vững giữa HTX với doanh nghiệp và nông hộ.

Ở cấp vùng, các chính sách đặc thù tiếp tục được triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa bàn. Cách tiếp cận theo hướng “địa phương hóa” này giúp chính sách bám sát nhu cầu thực tiễn, linh hoạt theo trình độ phát triển và đặc thù sản xuất của từng vùng; qua đó không chỉ hỗ trợ về nguồn lực tài chính mà còn tăng cường kết nối giữa HTX với thị trường, thương hiệu và chuỗi giá trị, góp phần đồng bộ hóa hệ sinh thái hỗ trợ HTX và nâng cao năng lực thích ứng của khu vực kinh tế tập thể trong bối cảnh yêu cầu của thị trường ngày càng cao.

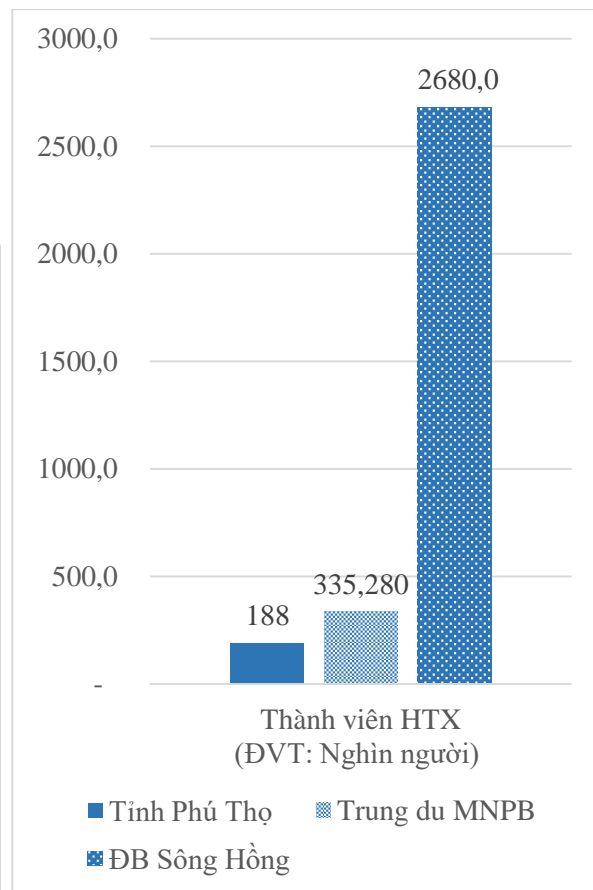
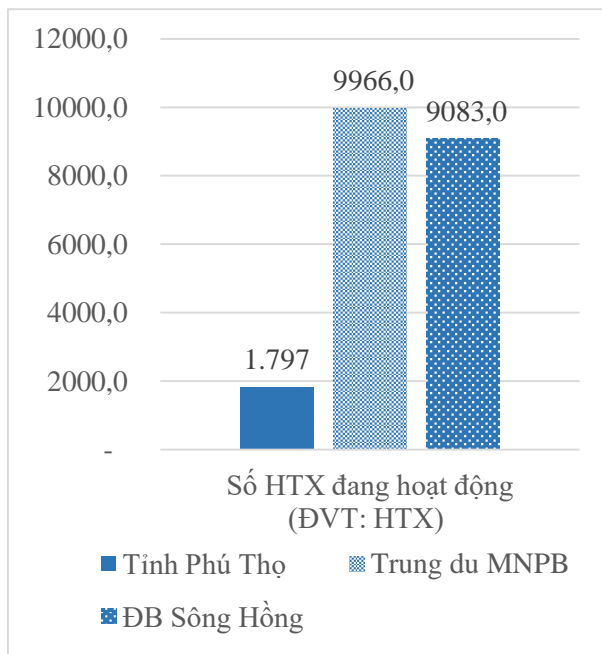
IV. SO SÁNH QUY MÔ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TỈNH PHÚ THỌ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SO VỚI CÁC TỈNH TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Trong giai đoạn 2021-2025, khu vực kinh tế tập thể của tỉnh Phú Thọ có sự phát triển mạnh cả về quy mô tổ chức, số lượng thành viên, lao động thường xuyên và kết quả sản xuất, kinh doanh. Toàn tỉnh có 1.797 HTX đang hoạt động trên tổng số 2.130 hợp tác xã được thành lập, cùng với gần 188.000 thành viên HTX và trên 73.950 lao động thường xuyên (*không bao gồm các thành viên HTX*).

Những con số này cho thấy tỉnh Phú Thọ là một trong những địa phương có mạng lưới hợp tác xã lớn nhất trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, đồng thời duy trì được mức độ tham gia kinh tế hợp tác cao trong cộng đồng dân cư.

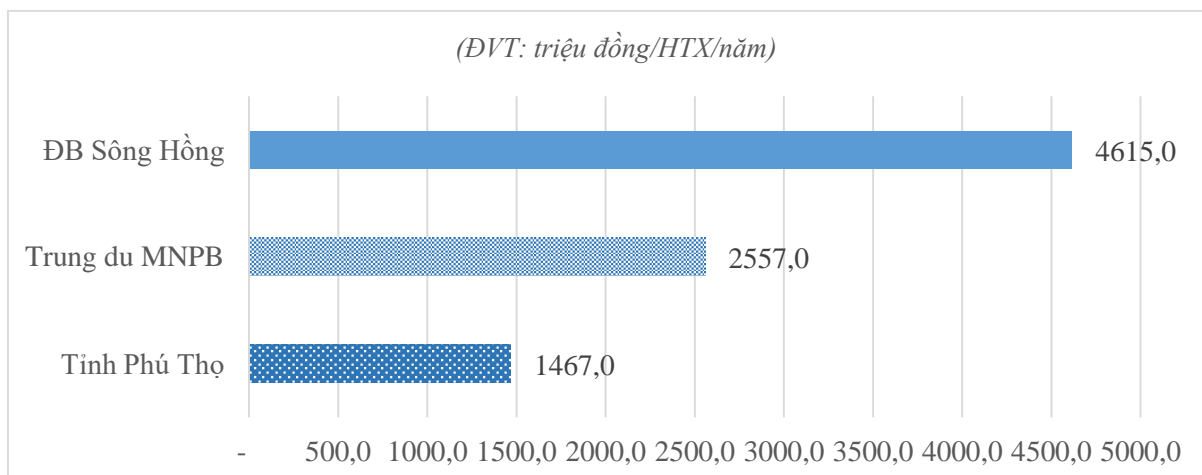
So sánh¹¹ với 14 tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc (*ước tính đến hết năm 2025 có 9.966 hợp tác xã, 335,28 nghìn thành viên và 128,77 nghìn lao động thường xuyên*), có thể thấy khu vực kinh tế tập thể của tỉnh Phú Thọ đóng góp tỷ trọng đáng kể cho toàn vùng, đặc biệt về số lượng HTX và quy mô lao động trong khu vực này.

¹¹ Số liệu theo dự thảo Báo cáo của Bộ Tài chính về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026 - 2030 (*kèm theo Công văn số 12842/BTC-DNTN ngày 20/8/2025 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 và xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2026-2030*).



Biểu đồ 04 và 05 - So sánh số HTX, thành viên HTX giữa tỉnh Phú Thọ với vùng Trung du miền núi phía Bắc và vùng Đồng bằng Sông Hồng

Bên cạnh đó, so sánh với vùng đồng bằng sông Hồng (có 9.083 hợp tác xã, hơn 2,68 triệu thành viên và 393 nghìn lao động thường xuyên), có thể nhận diện sự khác biệt lớn về quy mô dân số và cơ cấu ngành nghề. Tuy nhiên, xét ở cấp độ từng địa phương, tỉnh Phú Thọ là một trong những tỉnh có mật độ hợp tác xã cao, cơ cấu ngành nghề phong phú và tiệm cận với xu hướng phát triển của các tỉnh đồng bằng, đặc biệt trong dịch vụ nông thôn, tiểu thủ công nghiệp và tín dụng nội bộ.



Biểu đồ 06 - So sánh doanh thu bình quân của HTX tỉnh Phú Thọ với vùng Trung du miền núi phía Bắc và vùng Đồng bằng Sông Hồng

Tại nhóm chỉ tiêu phản ánh chất lượng hoạt động, doanh thu bình quân một hợp tác xã tại tỉnh Phú Thọ năm 2025 ước đạt 1.467 triệu đồng, thấp hơn mức bình quân 2.557 triệu đồng của vùng trung du và miền núi phía Bắc và thấp hơn nhiều so với mức 4.615 triệu đồng của vùng đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, lãi bình quân của hợp tác xã Phú Thọ đạt khoảng 244 triệu đồng/HTX/năm, tương đương mức bình quân của vùng đồng bằng và chỉ thấp hơn vùng trung du miền núi, cho thấy biên lợi nhuận của hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, mặc dù quy mô doanh thu còn khiêm tốn.

Mức độ hiện đại hóa và hội nhập chuỗi giá trị của hợp tác xã tỉnh Phú Thọ cũng có những chuyển biến tích cực với 302 hợp tác xã tham gia liên kết chuỗi và 277 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao. Tốc độ chuyển đổi này đưa Phú Thọ vào nhóm tỉnh đi đầu trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, dù vẫn còn khoảng cách nhất định so với vùng đồng bằng sông Hồng, nơi có mức độ cơ giới hóa, ứng dụng số và tham gia chuỗi giá trị sâu hơn.

Với các kết quả đánh giá nêu trên, khu vực kinh tế tập thể tỉnh Phú Thọ đang ở vị trí khá thuận lợi so với các tỉnh miền núi và đang dần thu hẹp khoảng cách với vùng đồng bằng sông Hồng về chất lượng hoạt động. Tuy nhiên, những khác biệt về doanh thu, quy mô thị trường và mức độ áp dụng công nghệ cho thấy tỉnh cần tiếp tục triển khai mạnh mẽ các giải pháp nâng cao năng lực hợp tác xã, mở rộng liên kết doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển các mô hình hợp tác xã có giá trị gia tăng cao trong giai đoạn 2026-2030.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

1.1. Số lượng và chất lượng HTX

Số lượng HTX, THT và LH HTX đều tăng qua các năm, trong đó tỉ lệ HTX hoạt động hiệu quả tiếp tục được cải thiện. Trung bình mỗi năm có 115 HTX thành lập và 14 THT được thành lập/dăng ký mới. Các HTX chú trọng mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và hình thành chuỗi giá trị nông nghiệp. Tại tỉnh Phú Thọ (cũ), doanh thu bình quân của HTX tăng 164,5% và lợi nhuận tăng 192,8% so với năm 2020, phản ánh sự chuyển biến thực chất về hiệu quả hoạt động.

Khu vực Hòa Bình (cũ) triển khai mạnh các mô hình VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và cấp mã số vùng trồng, giúp nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của sản phẩm HTX. Tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đẩy mạnh củng cố HTX thông qua chính sách đưa cán bộ trẻ về làm việc, góp phần cải thiện năng lực quản trị của các hợp tác xã tại địa bàn.

1.2. Việc huy động và sử dụng nguồn lực

Các địa phương đã huy động tốt nguồn lực từ ngân sách nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, các chương trình mục tiêu và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Tổng vốn của ba Quỹ HTX đạt mức ổn định, an toàn và có khả năng mở rộng; tỷ lệ thu hồi vốn và lãi đạt 100%, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn.

Nguồn lực đầu tư vào khoa học - công nghệ, xúc tiến thương mại và hạ tầng HTX tăng mạnh, tạo điều kiện để HTX mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là xây dựng nông thôn mới, góp phần tăng hiệu quả đầu tư cho HTX.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế:

a) Về nội dung các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển KTTT, HTX

Một số chính sách hỗ trợ theo Quyết định 1804/QĐ-TTg chưa được triển khai đầy đủ hoặc mức độ thực hiện chưa đồng đều giữa các địa phương. Các nội dung về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển liên hiệp HTX và mô hình HTX quy mô lớn còn hạn chế. Chỉ một phần nhỏ HTX tiếp cận được chính sách hạ tầng và công nghệ cao do thiếu vốn đối ứng hoặc chưa đáp ứng những điều kiện về pháp lý theo quy định.

b) Về tổ chức thực hiện

Việc triển khai chương trình ở một số thời điểm còn bị ảnh hưởng bởi tiến độ lập, điều chỉnh kế hoạch, bố trí ngân sách nhà nước và sự khác biệt trong năng lực của cơ quan chuyên môn giữa các địa phương. Đội ngũ cán bộ phụ trách kinh tế tập thể chủ yếu kiêm nhiệm; năng lực tham mưu chưa đồng đều; việc theo dõi, tổng hợp và giám sát chính sách còn hạn chế.

Đặc biệt, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2024 đến hết năm 2025, các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn khi triển khai thực hiện sau khi tỉnh Phú Thọ thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh. Do đó, nhiều hoạt động đã được phê duyệt trong Kế hoạch năm 2025 và cuối giai đoạn 2021-2025 chưa được triển khai, hoàn thành.

c) Về việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ

Nhiều HTX chưa tiếp cận được ưu đãi tín dụng do thiếu phương án kinh doanh khả thi hoặc không có tài sản bảo đảm. Một bộ phận HTX gặp khó khăn về thủ tục đất đai, nhất là trong bố trí mặt bằng sản xuất và xây dựng cơ sở chế biến. Năng lực tiếp nhận công nghệ mới, tiêu chuẩn chất lượng và hồ sơ chứng nhận của nhiều HTX còn hạn chế. Mức độ chủ động của HTX trong tìm kiếm thị trường, phát triển nhãn hiệu và ứng dụng thương mại điện tử còn thấp.

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện sản xuất của khu vực trung du và miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn. Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, địa hình chia cắt và chi phí logistics cao làm hạn chế khả năng tập trung đất đai, phát triển vùng nguyên liệu, đầu tư hạ tầng chế biến và hình thành chuỗi giá trị nông sản quy mô lớn.

- Biến động thị trường, dịch bệnh và thiên tai trong giai đoạn 2021-2025 gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của HTX. Giá nông sản không ổn định,

chi phí vật tư tăng cao khiến nhiều HTX khó xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh khả thi, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng và đầu tư phát triển.

- Yêu cầu của thị trường ngày càng cao đối với chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ,... trong khi nhiều HTX chưa đủ điều kiện hoặc thiếu nguồn lực để đáp ứng. Điều này dẫn đến việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ về công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng còn hạn chế.

- Một số chính sách của Trung ương chậm được hướng dẫn chi tiết hoặc phải điều chỉnh trong giai đoạn 2021-2023, khiến địa phương gặp khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện, đặc biệt trong khâu chuyển đổi mô hình hoạt động và hoàn thiện thủ tục pháp lý của HTX. Việc chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trong nửa cuối giai đoạn cũng gây khó khăn cho quá trình triển khai, xây dựng kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

a) Từ phía cơ quan nhà nước:

- Công tác tham mưu, chỉ đạo và phối hợp liên ngành chưa thật sự đồng bộ. Một số nhiệm vụ triển khai còn chậm so với kế hoạch; quá trình lồng ghép nguồn lực giữa các chương trình (nông thôn mới, KH&CN, xúc tiến thương mại) chưa hiệu quả, dẫn đến nguồn lực dành cho HTX còn phân tán.

- Tổ chức bộ máy và nhân sự phụ trách kinh tế tập thể chưa đáp ứng yêu cầu. Phần lớn cán bộ ở cấp huyện, xã là cán bộ kiêm nhiệm; thiếu cán bộ chuyên môn sâu, ảnh hưởng đến chất lượng hướng dẫn HTX và quá trình thẩm định, giám sát thực hiện chính sách.

- Hệ thống dữ liệu, thống kê về HTX chưa được cập nhật đầy đủ và thống nhất. Một số địa phương chưa theo dõi đầy đủ quá trình hoạt động, nhu cầu hỗ trợ, tình trạng pháp lý và năng lực nội tại của HTX, dẫn đến kế hoạch hỗ trợ chưa bám sát thực tiễn.

- Hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ thị trường và xây dựng thương hiệu còn hạn chế về quy mô và tính chuyên nghiệp. Các chương trình quảng bá sản phẩm chưa tạo tác động mạnh đến khả năng tiêu thụ, chưa có chiến lược dài hạn gắn với từng ngành hàng chủ lực.

b) Từ phía các tổ chức KTTT, HTX

- Năng lực quản trị, tài chính và lập phương án kinh doanh của nhiều HTX vẫn là một bài toán nan giải của địa phương. Phần lớn HTX chưa xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn, thiếu kỹ năng phân tích thị trường và chưa hoàn thiện hệ thống kế toán - tài chính theo quy định, dẫn đến khó khăn khi tiếp cận vốn tín dụng hoặc triển khai các mô hình công nghệ cao.

- Mức độ chủ động trong ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số còn thấp. Nhiều HTX chưa sẵn sàng đầu tư vào công nghệ bảo quản, chế biến, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc hoặc tiêu chuẩn chất lượng, khiến khả năng cạnh tranh còn hạn chế.

- Liên kết nội bộ và liên kết với doanh nghiệp chưa chặt chẽ. Một số HTX thiếu sự gắn kết giữa các thành viên; việc chia sẻ lợi ích và trách nhiệm chưa rõ ràng; liên kết sản xuất - tiêu thụ với doanh nghiệp còn mang tính thời vụ, chưa hình thành chuỗi giá trị bền vững.

- Quy mô sản xuất nhỏ, thiếu nguồn lực đối ứng. Nhiều HTX không đủ vốn tự có để tham gia các chương trình hỗ trợ hạ tầng, công nghệ hoặc xúc tiến thương mại, dẫn đến tỷ lệ HTX tiếp cận chính sách thấp hơn so với mục tiêu.

3. Bài học kinh nghiệm

3.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

- Xác định đúng về vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể.
- Thể chế hóa, hướng dẫn kịp thời các quy định, chính sách của Nhà nước về kinh tế tập thể; công khai, minh bạch trong công tác tổng hợp nhu cầu, đề xuất, xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể.
- Tăng cường công tác hỗ trợ, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện ở cơ sở và của các HTX để đảm bảo các chính sách đi vào cuộc sống, đúng mục đích, nâng cao hiệu quả của chính sách

3.2. Đối với các tổ chức kinh tế tập thể

- Phát huy nội lực, tranh thủ các điều kiện, thời cơ để phát triển.
- Không ngừng đổi mới, sáng tạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của mỗi thành viên với sức mạnh của tập thể để nâng cao hiệu quả hoạt động, vượt qua khó khăn, thách thức của nền kinh tế thị trường.
- Cần đề cao vị trí, vai trò của ban lãnh đạo của HTX.

4. Các yếu tố ảnh hưởng và cơ hội, thách thức trong phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030

Khu vực kinh tế tập thể tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập có nhiều lợi thế với quy mô tỉnh mới lớn, đa dạng ngành hàng, hạ tầng giao thông thuận lợi và mạng lưới HTX phong phú. Tuy nhiên, hạn chế lớn nằm ở sự chênh lệch năng lực HTX giữa các địa phương, yếu về vốn, quản trị và công nghệ. Cơ hội đến từ Luật Hợp tác xã 2023, thị trường mở rộng và khả năng hình thành chuỗi giá trị liên tỉnh. Tuy nhiên, tỉnh mới xuất hiện những thách thức gồm cạnh tranh thị trường, yêu cầu tiêu chuẩn cao, biến đổi khí hậu và áp lực tái cơ cấu HTX, cụ thể như sau:

4.1. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng

4.1.1. Điểm mạnh

- Sau sáp nhập, tỉnh có đầy đủ thế mạnh: nông nghiệp hàng hóa (Phú Thọ), công nghiệp - dịch vụ đô thị (Vĩnh Phúc), du lịch sinh thái - nông nghiệp hữu cơ (Hòa Bình), tạo nền tảng để HTX phát triển đa ngành.

- Vị trí chiến lược và hạ tầng giao thông tốt: Nằm tại trung tâm liên kết Vùng Thủ đô - Tây Bắc, có cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Hòa Lạc - Hòa Bình, QL.2,

QL.32, QL.6,... thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, du lịch và hình thành chuỗi giá trị HTX liên vùng.

- Chính quyền quan tâm, cơ chế hỗ trợ mạnh: Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể tỉnh để chỉ đạo xuyên suốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được phân công cụ thể cho các Sở, ban, ngành gắn với nhiệm vụ chuyên môn để triển khai hiệu quả, đồng bộ.

- Mạng lưới HTX phong phú và ngày càng mở rộng: Ba địa phương đều có nền tảng HTX khá tốt: khu vực Vĩnh Phúc (cũ) có thế mạnh về HTX phi nông nghiệp; khu vực Phú Thọ và Hòa Bình (cũ) có thế mạnh và tiềm năng phát triển HTX nông nghiệp, du lịch cộng đồng.

- Dư địa lớn trong phát triển sản phẩm OCOP và du lịch cộng đồng: Mỗi địa phương có các sản phẩm đặc trưng, thuận lợi phát triển thành chuỗi liên kết và thương hiệu vùng.

4.1.2. Điểm yếu

- Sự chênh lệch về trình độ quản trị và năng lực HTX giữa các địa bàn: các HTX khu vực Vĩnh Phúc cũ có trình độ, năng lực quản trị cao hơn so với khu vực Phú Thọ và Hòa Bình (cũ), gây khó khăn trong việc triển khai đồng bộ hóa các mô hình phát triển HTX.

- Nhiều HTX có quy mô vốn nhỏ, khó tiếp cận tín dụng: Phần lớn HTX không đủ tài sản thế chấp, chưa áp dụng mô hình huy động vốn mới theo Luật Hợp tác xã 2023.

- Công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế: Hầu hết HTX chưa ứng dụng phần mềm quản trị, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử.

- Thiếu hụt lao động trẻ, thiếu cán bộ quản lý chuyên nghiệp: Cán bộ thường kiêm nhiệm, trình độ không đồng đều, khó đáp ứng yêu cầu quản trị chuỗi giá trị.

- Chất lượng sản phẩm chưa đồng đều: Khó mở rộng thị trường hoặc ký kết hợp đồng lớn, bền vững.

- Hệ thống thông tin dữ liệu về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác chưa đồng bộ, chưa đầy đủ thông tin để khai thác, quản lý và xử lý dữ liệu.

4.2. Cơ hội và thách thức

4.2.1. Cơ hội

- Luật Hợp tác xã 2023 tạo hành lang pháp lý mới: Mở rộng dịch vụ, mô hình hoạt động của HTX; tăng quyền tự chủ, huy động vốn; khuyến khích liên kết với doanh nghiệp.

- Quy mô thị trường tăng mạnh sau sáp nhập: Dân số lớn hơn, nhu cầu tiêu dùng đa dạng hơn, cơ hội mở rộng thị trường nội địa.

- Lợi thế liên kết vùng Thủ đô: Các HTX có cơ hội cung cấp các sản phẩm nông sản, dịch vụ chất lượng cao cho thành phố Hà Nội, phát triển logistics, du lịch, dịch vụ đô thị.

- Phát triển công nghiệp, đô thị của khu vực Vĩnh Phúc và Phú Thọ (cũ): Tạo cơ hội lớn cho HTX trong cung ứng dịch vụ, thực phẩm an toàn, vận tải, vệ sinh môi trường, thương mại.

- Tiềm năng du lịch sinh thái, cộng đồng, nghỉ dưỡng: Xây dựng các tua du lịch liên vùng (Phường Hòa Bình - Xã Thanh Thủy - Xã Tam Đảo) tạo thành “tam giác du lịch” có sức thu hút lớn; HTX có nhiều cơ hội liên kết.

- Ứng dụng chuyển đổi số và nông nghiệp thông minh: Giúp HTX tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí, mở rộng kênh phân phối.

4.2.2. Thách thức

- Cạnh tranh mạnh từ khu vực kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ đô thị.

- Nguy cơ phát triển không đồng đều sau sáp nhập do chênh lệch về trình độ kinh tế - xã hội giữa ba địa phương cũ, có thể tạo bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận hỗ trợ.

- Biến đổi khí hậu và dịch bệnh cây trồng, vật nuôi tiếp tục gây tác động lớn đến các HTX nông nghiệp, vốn chiếm tỷ trọng cao trong khu vực KTTT.

- Thị trường tiêu thụ biến động, yêu cầu tiêu chuẩn ngày càng cao, các HTX dễ bị động do thiếu năng lực dự báo và ứng phó.

- Thiếu liên kết bền vững trong chuỗi giá trị do nhiều HTX chưa đủ năng lực xây dựng cam kết và ký hợp đồng ổn định với doanh nghiệp; chuỗi dễ đứt gãy khi thị trường thay đổi mà không có giải pháp thay thế.

- Áp lực đổi mới mô hình theo Luật Hợp tác xã 2023 dẫn đến một số HTX có quy mô nhỏ khó có đủ năng lực tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình hoạt động, có xu hướng giải thể hoặc hoạt động kém hiệu quả.

PHẦN THỨ BA MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030 theo hướng năng động, hiệu quả, bền vững và hiện đại, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới nâng cao, đồng thời bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

- Kinh tế tập thể, hợp tác xã trở thành một trong những động lực quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, khẳng định vai trò là trụ cột thứ ba trong nền kinh tế địa phương cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân. Phần đầu đưa hợp tác xã trở thành hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh phổ biến, có khả năng liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã hiện có; đồng thời, phát triển mới các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gắn với lợi thế từng ngành, lĩnh vực và đặc thù vùng miền, nhất là trong nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, công nghiệp nông thôn và tín dụng nhân dân. Tăng cường năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng quản trị, thúc đẩy liên kết, hợp tác, qua đó tạo nền tảng vững chắc để khu vực kinh tế tập thể tỉnh Phú Thọ phát triển toàn diện, hội nhập sâu với khu vực và thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Thành lập mới 200 HTX, 03 Liên hiệp hợp tác xã và 05 THT.
- Số lượng HTX được xếp loại tốt, khá chiếm từ 60% trở lên.
- Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt từ 50% trở lên.
- Có 145 HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.
- Có 155 HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.
- Doanh thu và lãi bình quân của HTX tăng từ 8 - 10%/năm.
- Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX phấn đấu đến năm 2030 đạt mức 100 - 120 triệu đồng/người/năm.
- Xử lý dứt điểm các HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể.

3. Định hướng phát triển theo từng lĩnh vực

3.1. Lĩnh vực nông nghiệp (Phát triển các HTX ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm OCOP, vùng nguyên liệu tập trung)

- Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Phát triển liên hiệp hợp tác xã trong nông nghiệp để phát huy thế mạnh của từng hợp tác xã trong hỗ trợ các hợp tác xã khác và liên kết với doanh nghiệp, vươn tầm hoạt động ra địa bàn cả nước và xuất khẩu.

- Phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo mô hình dịch vụ tổng hợp, liên kết sản xuất - tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng, sản xuất hữu cơ. Tăng cường liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, viện, trường, và tổ chức tín dụng để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho các hợp tác xã nông nghiệp. Nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tạo điều kiện tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng.

- Vận động thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp ở các địa bàn, lĩnh vực nông nghiệp mà các sản phẩm chủ lực còn ít hoặc chưa có hợp tác xã; phát triển quy mô thành viên trong các hợp tác xã, bảo đảm các địa bàn sản xuất nông nghiệp đều có hộ nông dân tham gia hợp tác xã.

3.2. Lĩnh vực du lịch - dịch vụ (Hình thành các HTX du lịch cộng đồng (kết hợp hoạt động của các HTX tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp), dịch vụ tổng hợp, vận tải, thương mại điện tử)

- Xây dựng mô hình hợp tác xã du lịch cộng đồng tại các điểm phát triển du lịch mang đậm bản sắc dân tộc. Kết hợp việc cung cấp các dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng với hoạt động trải nghiệm văn hóa, tổ chức các hoạt động kỉ niệm, Lễ hội đặc thù của địa phương; tổ chức các tour trải nghiệm tham gia hoạt động sản xuất, sinh hoạt hàng ngày của các nhóm đồng bào dân tộc thiểu số để góp phần quảng bá, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Xây dựng mô hình hợp tác xã thương mại theo hướng dịch vụ đa ngành nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất đồng thời góp phần tiêu thụ nông sản cho nông dân. Tiếp tục củng cố và thành lập một hoặc một số liên hiệp hợp tác xã để hỗ trợ các hợp tác xã thành viên về nguồn hàng, thị trường,...

- Tăng cường số lượng, chất lượng trong các hợp tác xã theo hướng hợp tác xã tập trung chuyên kinh doanh vận tải, tách bạch với hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ. Trên cơ sở đó xây dựng tính chuyên nghiệp và quy mô trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động vận tải.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực hợp tác xã vận tải; nâng cao chất lượng phương tiện vận chuyên, đáp ứng tối đa tiêu chí an toàn trên mọi lộ trình, rút ngắn thời gian di chuyển, giá thành hợp lý, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, ứng dụng công nghệ trong vận hành, quản lý.

- Khuyến khích phát triển các hợp tác xã theo hướng kinh doanh tổng hợp (mua bán hàng hóa, gia công chế biến, cung ứng dịch vụ); khuyến khích các hợp tác xã tham gia vào hệ thống phân phối hoặc chuỗi kinh doanh của các liên hiệp hợp tác xã thương mại hoặc các doanh nghiệp lớn nhằm liên kết để nâng cao khả năng cạnh tranh; khuyến khích thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã để cung cấp các dịch vụ phục vụ đời sống cho người dân như nhà ở, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục (cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh, dịch vụ tư vấn sức khỏe, chăm sóc sức khỏe cho thành viên; dịch vụ cung cấp thực phẩm, kĩ túc xá, dịch vụ máy tính, văn phòng trong các trường học; dịch vụ cung cấp nước sạch tại các khu dân cư nông thôn).

3.3. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (Phát triển HTX ngành nghề truyền thống, tái chế, năng lượng tái tạo)

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của các hợp tác xã hiện có. Chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã gắn với các chương trình khuyến công, chương trình phát triển công nghiệp, phát triển ngành nghề, giảm nghèo của từng địa phương.

- Từng bước nghiên cứu xây dựng một số liên hiệp hợp tác xã công nghiệp; hợp tác xã dịch vụ công nghiệp ở những vùng có nhiều làng nghề, cụm công nghiệp nông thôn, tạo tiền đề cho việc hình thành, phát triển các làng nghề mới. Giúp đỡ các hợp tác xã hiện đại hóa trang thiết bị, đổi mới công nghệ và sản phẩm, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất; hỗ trợ và hướng dẫn HTX thực hiện dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp làng nghề được quy hoạch.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã hiện có nhằm cung cấp dịch vụ cho thành viên, hiện đại hóa máy móc thi công, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến. Tham gia đấu thầu thi công hoặc ký hợp đồng thi công với chủ đầu tư; tổ chức giám sát; quản lý thi công theo quy định. Liên kết giữa các hợp tác xã việc làm và hợp tác xây dựng để chia sẻ công việc trong lĩnh vực xây dựng.

- Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã xây dựng áp dụng công nghệ chế tạo sẵn quy mô lớn theo hướng đa ngành nghề, kết hợp xây dựng, khai thác, sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, thi công xây lắp, quản lý tòa nhà.

3.4. Lĩnh vực tín dụng và môi trường (Củng cố hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, HTX môi trường, rác thải nông thôn)

- Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo đúng mục tiêu, tôn chỉ của loại hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã theo quy định của pháp luật; có cơ cấu tổ chức, đủ năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của thành viên quỹ tín dụng nhân dân, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp - nông thôn, góp phần xóa bỏ tình trạng cho vay nặng lãi, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

- Phát triển các hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý chất thải tại các khu dân cư mà thành viên là nhân dân sinh sống tại các khu vực đó. Xây dựng thí điểm nhân rộng cơ chế, chính sách để khuyến khích kinh tế tập thể, hợp tác xã tham gia vào thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, xử lý chất thải theo nguyên tắc của cơ chế thị trường, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của hợp tác xã hiện có, chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường, khuyến khích phát triển các hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường tại khu vực dân cư mà thành viên là người dân sinh sống tại khu vực đó.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT

- Tập trung quán triệt đầy đủ chủ trương của Trung ương, của tỉnh về phát triển KTTT đến từng chi bộ, chính quyền cơ sở, bảo đảm thống nhất nhận thức “HTX là công cụ tổ chức lại sản xuất, không chỉ là mô hình hỗ trợ”.

- Chỉ đạo tập trung nguồn lực, triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được Trung ương và địa phương ban hành.

- Gắn chỉ tiêu phát triển số lượng, chất lượng HTX vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của từng xã, phường, coi đây là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể (*Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên minh HTX...*) trong tuyên truyền, vận động hội viên tham gia HTX, giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách, đồng thời tham gia tư vấn, hỗ trợ thành lập mới, củng cố HTX yếu kém.

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong giải quyết vướng mắc về đất đai, tín dụng, thủ tục hành chính, chuyển đổi số, đảm bảo HTX có đầu mối hỗ trợ rõ ràng, giảm tình trạng “đẩy việc, né việc” giữa các cơ quan.

2. Phát triển toàn diện các mô hình HTX/LH HTX điểm, hoạt động hiệu quả

- Tổ chức lựa chọn các HTX/LHHTX đủ điều kiện về quy mô, năng lực quản trị, vùng nguyên liệu, thị trường để xây dựng mô hình điểm theo từng lĩnh vực (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - du lịch cộng đồng), bảo đảm tính đại diện cho từng tiểu vùng, từng ngành hàng chủ lực (*cần điều chỉnh, bổ sung tiêu chí theo Quyết định mới thay thế Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025*).

- Hình thành mạng lưới HTX vệ tinh gắn với HTX/LHHTX hoạt động hiệu quả để tổ chức lại sản xuất theo vùng nguyên liệu tập trung, thống nhất về giống, quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu.

- Ưu tiên hỗ trợ mô hình HTX, LH HTX điểm, hoạt động hiệu quả tiếp cận hạ tầng, công nghệ, tín dụng, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại, từ đó tạo “hạt nhân dẫn dắt” để lan tỏa ra khu vực KTTT toàn tỉnh. Thiết kế cơ chế theo dõi, đánh giá, tổng kết và nhân rộng mô hình, coi việc xây dựng mô hình HTX/LHHTX điểm, hoạt động hiệu quả là trọng tâm để tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị.

3. Nâng cao năng lực quản lý điều hành HTX, năng lực chuyển đổi số

- Tập trung chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý HTX theo Luật Hợp tác xã 2023, nâng cao năng lực xây dựng điều lệ, phương án sản xuất - kinh doanh, quản trị rủi ro, quản trị tài chính và quản trị thành viên; khắc phục tình trạng Chủ tịch HĐQT, Giám đốc HTX kiêm nhiệm, thiếu kỹ năng quản trị hiện đại.

- Hỗ trợ HTX từng bước chuyển đổi từ quản lý thủ công sang quản lý trên nền tảng số: sổ sách kế toán, quản lý thành viên, hợp đồng, hóa đơn điện tử, theo dõi dòng tiền và chi phí.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong sản xuất - kinh doanh: nền tảng truy xuất nguồn gốc, nhật ký điện tử đồng ruộng, hệ thống giám sát môi trường nuôi trồng, hệ thống đặt hàng - giao nhận trực tuyến.

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu HTX toàn tỉnh tích hợp từ 03 tỉnh cũ, kết nối với hệ thống thông tin quốc gia về HTX, làm cơ sở để hoạch định chính sách, theo dõi hiệu quả, kịp thời cảnh báo những HTX hoạt động yếu kém.

4. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khu vực KTTT

- Xây dựng chương trình đào tạo theo nhu cầu thực tiễn, phân loại theo nhóm đối tượng (cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý HTX, kế toán, tổ trưởng sản xuất, xã viên nông cốt), tránh tình trạng đào tạo dàn trải, hình thức; bảo đảm Khung kiến thức bồi dưỡng cho khu vực kinh tế tập thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về quản trị HTX kiểu mới, quản lý chuỗi giá trị, marketing, thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, gắn với từng ngành hàng, từng vùng sản xuất. Kết hợp linh hoạt giữa tập huấn tại chỗ, đào tạo trực tuyến và tham quan học tập mô hình HTX điển hình trong và ngoài tỉnh; coi đây là kênh quan trọng để thay đổi tư duy, cập nhật xu hướng mới.

- Hình thành mạng lưới chuyên gia, tư vấn hỗ trợ HTX (thông qua hoạt động đào tạo, tư vấn tại các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, doanh nghiệp, Liên minh HTX,...), tham gia đồng hành với HTX trong suốt quá trình xây dựng, triển khai phương án sản xuất - kinh doanh, không chỉ dừng lại ở các lớp ngắn ngày.

5. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm HTX

- Hỗ trợ HTX nghiên cứu, phân tích thị trường, lựa chọn phân khúc khách hàng phù hợp, đa dạng hóa kênh tiêu thụ (truyền thống - hiện đại - thương mại điện tử); tránh lệ thuộc vào một vài thương lái trung gian với rủi ro cao.

- Tập trung hỗ trợ xây dựng, bảo hộ và phát triển thương hiệu cho sản phẩm HTX: đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, bao bì, câu chuyện sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, gắn với chương trình OCOP và sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, kết nối cung cầu, tuần lễ nông sản, kết nối với hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, các sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước, ưu tiên sản phẩm đặc thù, có tiềm năng xuất khẩu.

- Hình thành và duy trì các mối liên kết bền vững giữa HTX với doanh nghiệp chế biến, phân phối, xuất khẩu, từ đó chuyển dần HTX từ “bị động bán cái mình có” sang “chủ động sản xuất cái thị trường cần”.

6. Hỗ trợ xây dựng, thuê trụ sở, máy móc, thiết bị, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản

- Bố trí nguồn lực hỗ trợ HTX có địa điểm làm việc, nhà xưởng, kho bãi, cơ sở vật chất tối thiểu, đặc biệt là các HTX ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; khắc phục tình trạng HTX “mượn” trụ sở, hoạt động thiếu ổn định.

- Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền chế biến, bảo quản, đóng gói, kho lạnh, phương tiện vận chuyển chuyên dụng, ưu tiên các HTX gắn với vùng nguyên liệu tập trung và mô hình điểm, hoạt động hiệu quả.

- Khuyến khích HTX ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, bảo quản để kéo dài thời gian bảo quản nông sản, giảm hao hụt, nâng cao giá trị gia tăng, từng bước hình thành các trung tâm sơ chế, chế biến, logistics phục vụ chuỗi giá trị.

- Lồng ghép, tận dụng các chương trình, dự án về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn để hỗ trợ HTX đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

7. Đẩy mạnh tuyên truyền, tổng kết, nhân rộng điển hình tiên tiến

- Thiết kế các hoạt động tuyên truyền đa dạng, dễ tiếp cận về kinh tế tập thể, mô hình HTX kiểu mới, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, phù hợp với từng nhóm đối tượng (đảng viên, người dân, thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số...), qua hệ thống truyền hình, phát thanh, báo chí, mạng xã hội, hội nghị cơ sở.

- Chú trọng tuyên truyền những mô hình HTX hoạt động hiệu quả, những điển hình tiên tiến, cách làm sáng tạo, từ đó lan tỏa tinh thần “làm HTX kiểu mới”, khắc phục tâm lý e ngại, mặc cảm với mô hình HTX kiểu cũ.

- Tổ chức định kỳ các hội nghị sơ kết, tổng kết, diễn đàn HTX, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, các ngành hàng, làm cơ sở hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều chỉnh nội dung hỗ trợ cho phù hợp thực tiễn.

- Xây dựng cơ chế, tiêu chí khen thưởng, tôn vinh HTX và cá nhân tiêu biểu, đồng thời gắn việc nhân rộng điển hình với lộ trình hỗ trợ cụ thể, tránh dừng ở mức tuyên dương hình thức.

III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.1. Nhóm giải pháp về thể chế - chính sách - nguồn lực tài chính

- Ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX phù hợp với Luật Hợp tác xã 2023 và điều kiện thực tiễn tại địa phương.

- Bố trí, phân bổ và lồng ghép nguồn lực từ ngân sách tỉnh và đề xuất sử dụng ngân sách trung ương cho các chương trình, dự án để hỗ trợ HTX về hạ tầng, trụ sở, máy móc - thiết bị, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại.

- Chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký HTX, thủ tục đất đai, tiếp cận vốn vay.

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên và mô hình HTX/LHHTX hoạt động hiệu quả để tập trung nguồn lực đầu tư; bảo đảm phân bổ ngân sách có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, kém hiệu quả.

- Chỉ đạo xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ.

1.2. Nhóm giải pháp về khoa học - công nghệ - chuyển đổi số

- Tổ chức triển khai ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới và công nghệ số trong các khâu sản xuất, quản lý, chế biến, bảo quản và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm HTX.

- Hỗ trợ các HTX xây dựng và vận hành nền tảng thương mại điện tử, hệ thống phần mềm quản lý nội bộ, kế toán số, quản lý thành viên, website giới thiệu - tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của HTX.

- Khuyến khích hình thành mô hình “HTX số”, “HTX xanh”, HTX ứng dụng kinh tế tuần hoàn và mô hình sản xuất thân thiện môi trường; lựa chọn, ưu tiên triển khai thí điểm tại các HTX/LHHTX điểm để làm cơ sở nhân rộng.

- Tăng cường hoạt động chuyển giao, phổ biến công nghệ thông qua hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ; xây dựng mạng lưới chuyên gia, tư vấn kỹ thuật hỗ trợ HTX tiếp cận và ứng dụng khoa học - công nghệ.

1.3. Nhóm giải pháp về đào tạo - tuyên truyền - liên kết thị trường

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản trị HTX, kỹ năng quản lý tài chính, thị trường, chuyển đổi số, thiết lập và vận hành các kênh thương mại điện tử; nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho đội ngũ lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của HTX.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Hợp tác xã 2023, các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh; kịp thời nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế tập thể.

- Thúc đẩy liên kết giữa HTX với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Viện nghiên cứu, hiệp hội ngành hàng và các tổ chức hỗ trợ nhằm hình thành và phát triển chuỗi giá trị bền vững; mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

- Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, kết nối cung cầu, tuần lễ nông sản; hỗ trợ HTX xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm HTX trên thị trường..

1.4. Nhóm giải pháp về quản lý - giám sát - khen thưởng

- Đưa chỉ tiêu phát triển HTX vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xã.

- Chỉ đạo các Sở, ngành xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành hỗ trợ HTX.
- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế tập thể; đưa chỉ tiêu phát triển HTX vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và coi đây là một trong các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.
- Đổi mới công tác thống kê, theo dõi, đánh giá và phân loại HTX theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023; xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho HTX; đồng thời xử lý nghiêm và dứt điểm các HTX yếu kém, ngừng hoạt động, hoạt động không đúng bản chất hoặc không tuân thủ quy định pháp luật.
- Thực hiện chế độ khen thưởng, biểu dương kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế tập thể, HTX; gắn khen thưởng với cơ chế khuyến khích nhân rộng mô hình hiệu quả và thúc đẩy phong trào thi đua trong toàn khu vực KTTT.

2. Giải pháp thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành trung ương

- Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã 2023 (*cơ chế đất đai, thuế, tín dụng, khuyến nông - khuyến công, hỗ trợ đầu tư...*); tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026-2030 và chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX và cán bộ quản lý nhà nước về KTTT; ban hành các cơ chế ưu đãi tín dụng cho HTX thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX Trung ương.
- Phân bổ nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình hỗ trợ phát triển HTX, Chương trình chuyển đổi số quốc gia để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.
- Hoàn thiện hạ tầng số quốc gia phục vụ quản lý HTX; ban hành chuẩn dữ liệu và hướng dẫn kết nối với hệ thống cấp tỉnh.
- Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, hội chợ quốc tế, chương trình quảng bá sản phẩm OCOP/HTX; hỗ trợ kết nối HTX với doanh nghiệp lớn, thị trường xuất khẩu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Các chính sách hỗ trợ mới theo Nghị định số 113/2024/NĐ-CP

Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách hỗ trợ do Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

1.1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ kinh phí biên soạn, xây dựng, phát hành chương trình, giáo trình về kinh tế tập thể sử dụng trong các cơ sở giáo dục đại học, đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý nhà nước;

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan để nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ về phát triển kinh tế tập thể và thành viên, người lao động làm việc trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Chương trình bồi dưỡng về chuyên môn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ thuật được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến. Thực hiện nội dung bồi dưỡng theo khung kiến thức phù hợp với Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể;

- Hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, ở cho thành viên, người lao động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, kỹ thuật trong nước;

- Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, kiến thức quản trị và sản xuất, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và địa bàn;

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo chính quy về kinh tế tập thể theo quy định của pháp luật về giáo dục.

b) Phân công thực hiện

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.2. Chính sách hỗ trợ thông tin (Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

- Thông tin được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã, bao gồm: thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ; thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến lĩnh vực kinh tế tập thể; các thông tin khác theo

nhu cầu của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với quy định của pháp luật;

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp thông tin về chính sách hỗ trợ trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã;

- Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã được cấp tài khoản trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã để thực hiện cung cấp, cập nhật thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã được quản lý tập trung trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã;

- Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã được tích hợp dữ liệu từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thông tin khác cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tra cứu.

b) Phân công thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ thông tin hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.3. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn (Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ xây dựng và tăng cường năng lực cho mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm: Liên minh Hợp tác xã tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập có liên quan; cá nhân, tổ chức khác tham gia tư vấn cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

b) Phân công thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.4. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả (Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

- Ưu tiên hỗ trợ để củng cố, hoàn thiện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả;

- Nội dung hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu học tập từ mô hình hiệu quả bao gồm: Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến kinh nghiệm; tham quan, khảo sát; tư vấn, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

b) Phân công thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ xây dựng chính sách nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.5. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

- Tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh;

- Thuê, mua giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chuyển đổi mô hình kinh doanh;

- Tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ;

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu triển khai một số phần mềm, ứng dụng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh để các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã dùng chung và không thu tiền.

b) Phân công thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.6. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường (Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

- Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp thông tin về pháp lý, kinh tế; khảo sát và nghiên cứu thị trường; thông tin dự báo, cảnh báo các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã và các trang thông tin điện tử của các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ (Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ);

- Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn và hoạt động xúc tiến thương mại của bộ, ngành, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tỉnh tổ chức trong và ngoài nước;

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc;

- Hỗ trợ kinh phí áp dụng và chứng nhận các tiêu chuẩn để phát triển thị trường cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hợp đồng liên kết hình thành vùng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa phương (xã, phường);

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử;

- Ưu tiên, hỗ trợ kinh phí tham gia chương trình sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có nguồn gốc địa phương (xã, phường), có đặc trưng về giá trị kinh tế, văn hóa, lợi thế của địa phương (xã, phường).

b) Phân công thực hiện

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ xây dựng chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.7. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị (Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

Đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

b) Phân công thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.8. Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước (Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là việc Nhà nước cho phép tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quản lý, sử dụng các tài sản này thông qua các hình thức và phương thức khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

b) Phân công thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng trình tự, thủ tục thực hiện chuyển giao và việc quản lý, sử dụng, khai thác các tài sản được chuyển giao tại khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.9. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro (Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ phần chi phí kiểm toán mà hợp tác xã đã thực hiện thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm trước liền kề trong trường hợp hợp tác xã quy mô siêu nhỏ và nhỏ được Nhà nước hỗ trợ với kinh phí hỗ trợ từ 03 tỷ đồng trở lên. Quy mô hợp tác xã được xác định tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký nhu cầu hỗ trợ theo tiêu chí phân loại hợp tác xã quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định số 113/2025/NĐ-CP;

- Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hệ thống Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong việc thực hiện: Đánh giá rủi

ro, tư vấn tài chính; tư vấn kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông qua đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với pháp luật về ngân sách Nhà nước.

b) Phân công thực hiện

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

1.10. Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP)

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ vốn, giống, trang thiết bị ứng dụng khoa học và công nghệ khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chuyển đổi sang sản xuất bền vững, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu theo các đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với cấp quản lý ngân sách;

- Hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp tập trung: xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp (bao gồm công, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm, đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp); xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản bao gồm hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, công, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè, nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng thủy, hải sản tập trung; xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng chăn nuôi tập trung bao gồm: đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng chăn nuôi tập trung, hệ thống chuồng, trại.

c) Phân công thực hiện

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Quá trình triển khai thực hiện, các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện các hoạt động hỗ trợ, đảm bảo không vượt quá phạm vi, mức hỗ trợ tối đa theo quy định.

(Chi tiết nội dung phân công nhiệm vụ tại Phụ lục 02)

2. Các chính sách đặc thù của tỉnh

2.1. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Đề án chỉ thống kê các chính sách về hỗ trợ các hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; không kiến nghị, đề xuất thêm.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).
- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).
- Doanh nghiệp.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Dự án liên kết/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 6 và Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.
- Đáp ứng điều kiện về quy mô của dự án liên kết/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết đối với từng ngành hàng, sản phẩm tại Danh mục các sản phẩm nông nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND và các sản phẩm khác được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung.

c) Nguyên tắc hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ.

d) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng/dự án liên kết hoặc tối đa 100 triệu đồng/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.
- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư mới máy móc, trang thiết bị và xây dựng các công trình hạ tầng đầu tư phục vụ liên kết, bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ tối đa 6,0 tỷ đồng/dự án liên kết.
- Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề, nội dung và mức hỗ trợ theo quy định của cấp có thẩm quyền về đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng và theo quy

định của pháp luật hiện hành; hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất thông qua dịch vụ tập trung của Hợp tác xã, tổng mức hỗ trợ tối đa 750 triệu đồng, bao gồm:

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và vật tư thiết yếu đối với địa bàn xã khu vực III (theo Quy định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo từng giai đoạn do Chính phủ ban hành), hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và vật tư thiết yếu đối với địa bàn còn lại. Mức hỗ trợ tối đa 700 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

+ Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

- Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (GAP, hữu cơ, ISO, HACCP,...). Mức hỗ trợ tối đa 450 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

- **Nguồn hỗ trợ:** Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, chính sách, dự án hợp pháp khác.

- **Phương thức hỗ trợ:** Hỗ trợ sau đầu tư theo hạng mục đầu tư đã hoàn thành được nghiệm thu.

2.2. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn

Đề án chỉ thống kê chính sách về hỗ trợ các hoạt động trồng trọt, theo Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030; không kiến nghị, đề xuất thêm.

2.2.1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia các hoạt động đầu tư, sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2.2.2. Kinh phí hỗ trợ: Nguồn sự nghiệp kinh tế, ngân sách tỉnh đảm bảo, khuyến khích các địa phương sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

2.2.3. Các chính sách hỗ trợ

a) Chính sách hỗ trợ phát triển cây trồng chủ lực

(1) Hỗ trợ phát triển vùng sản xuất cây trồng: bưởi, cam, chè, mía.

- Điều kiện: Trong vùng sản xuất tập trung theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, có diện tích liên vùng từ 3,0 héc-ta trở lên.

- Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% chi phí mua giống (cây giống đôi với cây bưởi, cam, chè; hom giống sạch bệnh bằng nuôi cấy mô đối với cây mía); hỗ trợ 50% chi phí mua phân bón hữu cơ vi sinh hoặc phân bón hữu cơ sinh học. Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/héc-ta.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp bằng giống, phân bón.

(2) Hỗ trợ giống lúa chất lượng

- Điều kiện: Trong vùng sản xuất tập trung theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, có diện tích liền vùng từ 10,0 héc-ta trở lên.

- Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% chi phí mua giống lúa chất lượng. Mức hỗ trợ tối đa 1,05 triệu đồng/héc-ta /vụ sản xuất với định mức gieo trồng tối đa 50kg giống lúa/héc-ta.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp bằng giống lúa chất lượng.

(3) Hỗ trợ vùng sản xuất hàng hóa rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm

- Điều kiện: Trong vùng sản xuất tập trung theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, có diện tích liền vùng từ 2,0 héc-ta trở lên.

- Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ vi sinh hoặc phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học hoặc thảo mộc. Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/héc-ta.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp bằng giống, vật tư (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật).

b) Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi

(1) Hỗ trợ chế phẩm sinh học xử lý môi trường trong chăn nuôi gà

- Điều kiện: Có quy mô nuôi gà từ 500 con đến dưới 10.000 con/lúa.

- Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% kinh phí mua chế phẩm sinh học. Mức hỗ trợ tối đa 5,0 triệu đồng/cơ sở.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp chế phẩm xử lý môi trường.

(2) Hỗ trợ xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

- Điều kiện: Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có công suất giết mổ tối thiểu trong 01 ngày đạt: 100 con gia súc hoặc 1.000 con gia cầm; trường hợp giết mổ hỗn hợp cả gia súc và gia cầm, công suất tối thiểu trong 01 ngày đạt: 50 con gia súc và 500 con gia cầm.

- Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác giết mổ (thiết bị gây choáng, băng chuyền, máy đánh lông, hệ thống nhúng nóng, hệ thống mổ treo, thiết bị bảo quản lạnh, bàn pha lóc, máy đóng túi chân không). Mức hỗ trợ tối đa 1,0 tỷ đồng/cơ sở.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư, sau khi hoàn thành được nghiệm thu.

b) Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm đạt chuẩn OCOP

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân (chủ thể) có sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Điều kiện: Có sản phẩm đạt chuẩn OCOP trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Nội dung và mức hỗ trợ:

+ Thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn OCOP lần đầu: Sản phẩm đạt 5 sao: Mức thưởng 50 triệu đồng/sản phẩm; Sản phẩm đạt 4 sao: Mức thưởng 30 triệu đồng/sản phẩm; Sản phẩm đạt 3 sao: Mức thưởng 20 triệu đồng/sản phẩm.

+ Thưởng cho các chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn OCOP được nâng hạng: Từ 3 sao lên 4 sao: 10 triệu đồng/sản phẩm; Từ 3 sao lên 5 sao: 30 triệu đồng/sản phẩm; Từ 4 sao lên 5 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm.

- Phương thức hỗ trợ: Sau khi có quyết định chứng nhận sản phẩm đạt chuẩn OCOP của cấp có thẩm quyền.

V. KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Khái toán kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ theo Nghị định số 113/2024/NĐ-CP

Kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2026-2030 được bố trí từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030; đóng góp từ các tổ chức kinh tế tập thể và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2026-2030 dự kiến khoảng: 363.200.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi ba tỷ hai trăm triệu đồng chẵn*). Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: 31.050.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ thông tin: 7.800.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn: 6.600.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX, LH HTX hoạt động hiệu quả: 25.500.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 38.500.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường: 10.500.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị: 112.500.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro: 750.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp tập trung: 115.000.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: 15.000.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02)

2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí

- Các Sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án, chủ động cân đối, sử dụng từ nguồn dự toán được giao hàng năm và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có); ưu tiên lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định để thực hiện và tăng cường huy động kinh phí từ nguồn xã hội hóa (đóng góp của các hợp tác xã, tổ hợp tác, nguồn viện trợ và xã hội hóa hợp pháp) vận động tài trợ để giảm gánh nặng ngân sách.

- Đối với các chính sách đặc thù của tỉnh, kinh phí thực hiện các hoạt động cụ thể quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 1 (năm 2026): Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, xây dựng chính sách mới và triển khai thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ.

- Giai đoạn 2 (Từ năm 2027-2029): Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và sơ kết Đề án.

- Giai đoạn 3 (Năm 2030): Đánh giá kết quả thực hiện và tổng kết Đề án.

2. Phân công thực hiện

2.1. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026-2030 và các chương trình hỗ trợ, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo chỉ đạo của Bộ Tài chính.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng chính sách đặc thù về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành tài chính.

- Nghiên cứu, bố trí, cân đối, lồng ghép các nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo từng giai đoạn; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định.

- Thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ HTX theo các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, đề xuất cơ chế tài chính ưu tiên cho phát triển kinh tế tập thể, HTX.

2.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng các chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030 và chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (theo Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 và Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ).

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn; lựa chọn các HTX nông nghiệp để hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng mô hình và nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, năng lực cho cán bộ quản lý HTX, thành viên và người lao động đang làm việc trong HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Hỗ trợ chuyển giao khoa học - kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến, nông nghiệp công nghệ cao cho HTX nông nghiệp.

- Hỗ trợ HTX triển khai truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng, chứng nhận tiêu chuẩn (VietGAP, hữu cơ...).

- Phối hợp Sở Công Thương tổ chức và hỗ trợ HTX tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và tiêu thụ nông sản trong và ngoài tỉnh.

2.3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và kế hoạch triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong HTX; hỗ trợ công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ số, công nghệ truy xuất nguồn gốc.

- Hỗ trợ HTX trong công tác đăng ký bảo hộ, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm của HTX.

- Tư vấn lựa chọn mô hình “HTX số”, “HTX xanh”, “HTX tuần hoàn” để triển khai thí điểm và nhân rộng.

2.4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường và kế hoạch triển khai thực hiện.

- Xây dựng và tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hội chợ, tuần lễ nông sản; hỗ trợ HTX mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ HTX tham gia các hoạt động thương mại điện tử, phát triển các trang thông tin điện tử, sàn giao dịch số; kết nối với doanh nghiệp phân phối, siêu thị, chợ đầu mối.

- Phối hợp với các Sở, ngành xây dựng chuỗi giá trị, tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm HTX.

2.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp phát triển mô hình HTX du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; hướng dẫn tiêu chuẩn dịch vụ, sản phẩm du lịch cộng đồng và đề xuất các chương trình đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực du lịch.

- Phối hợp các sở, ngành quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm văn hóa - du lịch của địa phương.

- Phối hợp, hỗ trợ HTX du lịch xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với văn hóa bản địa, làng nghề, dịch vụ cộng đồng.

2.6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và triển khai thực hiện.

- Tham mưu công tác thi đua khen thưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể.

2.7. Sở Tư pháp

- Thẩm định quy phạm pháp luật liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn triển khai thi hành Luật Hợp tác xã 2023 và các văn bản liên quan.

- Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, giải đáp vướng mắc pháp lý cho HTX và cơ quan quản lý theo chức năng, thẩm quyền.

2.8. Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức đoàn thể

- Đẩy mạnh vận động hội viên, đoàn viên tham gia HTX; tuyên truyền về vai trò, lợi ích của kinh tế tập thể.

- Tham gia giám sát việc triển khai chính sách hỗ trợ HTX; thực hiện phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển KTTT, HTX.

- Phối hợp hỗ trợ hình thành HTX theo nhóm đối tượng: phụ nữ, thanh niên, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

2.9. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Là cơ quan đầu mối hỗ trợ, tư vấn thành lập mới HTX; củng cố HTX yếu kém; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ và thành viên HTX.

- Phối hợp các sở, ngành, địa phương xây dựng chính sách hỗ trợ, triển khai kế hoạch và thực hiện chương trình hỗ trợ HTX theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các mô hình hoạt động hiệu quả khác.

- Tổ chức xúc tiến thương mại, hội nghị, diễn đàn HTX, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, thuê địa điểm bán hàng và nhân rộng điển hình tiên tiến.
- Tổ chức các dịch vụ tư vấn hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, HTX.
- Tư vấn xử lý đối với các HTX hoạt động yếu kém, ngừng hoạt động, HTX vi phạm pháp luật.

2.10. Hội Nông dân tỉnh

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024.
- Vận động hội viên tham gia HTX nông nghiệp, tổ hợp tác; hướng dẫn xây dựng mô hình kinh tế hộ liên kết.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, marketing, thương mại điện tử cho nông dân và thành viên HTX.
- Phối hợp Liên minh HTX và Sở Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

2.11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại địa phương hàng năm và cả giai đoạn; bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai thực hiện Đề án.
- Chủ trì thực hiện các giải pháp xử lý HTX ngừng hoạt động, hoạt động hình thức; bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu sản xuất của HTX.
- Rà soát, cập nhật tình hình hoạt động HTX; đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.
- Tăng cường tuyên truyền đến người dân, đảm bảo sự vào cuộc của hệ thống chính trị cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX.

2.12. Báo và Phát thanh, truyền hình Phú Thọ

- Tăng cường truyền thông, tuyên truyền về Luật Hợp tác xã 2023, mô hình HTX điển hình, sản phẩm đặc trưng của các HTX và các chính sách của tỉnh về hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.
- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục phản ánh kết quả thực hiện Đề án; biểu dương gương điển hình tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX tại địa phương; câu chuyện thoát nghèo và ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất và các mô hình HTX hoạt động hiệu quả, tạo tính lan tỏa.

2.13. Các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Chủ động xây dựng phương án sản xuất - kinh doanh phù hợp thị trường; nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số và phát triển sản phẩm đặc thù.

- Tham gia liên kết chuỗi giá trị với doanh nghiệp, viện - trường, cơ sở nghiên cứu; tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, quy định pháp luật.

- Cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác thống kê, giám sát; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2.14. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan

- Phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn; tham gia hỗ trợ HTX trong từng lĩnh vực chuyên môn.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; đề xuất cơ chế, chính sách cần điều chỉnh hoặc bổ sung để nâng cao hiệu quả phát triển KTTT, HTX tại địa phương.

CÁC PHỤ LỤC
Phụ lục số 01
TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng kinh phí	Trong đó: Chương trình MTQG
			342.898	34.359
1	Hỗ trợ thành lập mới, củng cố tổ chức KTTT		4.146	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	272	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	4.146	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	3.836	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
2	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực KTTT		17.620	
	- Số người được cử đi đào tạo	Người	131	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	4.975	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	3.700	3.700
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	1.275	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
	- Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	5.056	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	7.580	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	2.890	2.890
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	4.690	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
	- Hỗ trợ lao động trẻ về làm việc tại tổ chức KTTT	Người	36	
	<i>Tổng kinh phí hỗ trợ từ NS địa phương</i>	Tr đồng	5.065	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng kinh phí	Trong đó: Chương trình MTQG
3	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về KTTT		-	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	-	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
4	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường		22.028	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	889	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	22.028	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	15.983	2.680
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	6.045	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
5	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm		25.089	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	26	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	25.089	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	25.089	25.089
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6	Các hỗ trợ khác		-	
6.1	Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới		945	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	18	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	945	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	45	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng kinh phí	Trong đó: Chương trình MTQG
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6.2	Hỗ trợ về tiếp cận vốn tín dụng		134.200	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	29	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	134.200	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	134.200	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6.3	Hỗ trợ về tiếp cận vốn Quỹ hỗ trợ phát triển HTX		112.350	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	196	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	112.350	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	83.400	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6.4	Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất		-	
-	Số hợp tác xã được hỗ trợ giao đất	HTX	12	
	Tổng diện tích đất được giao	m2	536.513	
-	Số hợp tác xã được hỗ trợ cho thuê đất	HTX	-	
	Tổng diện tích đất được cho thuê	m2	-	
-	Số hợp tác xã được miễn, giảm tiền thuê đất	HTX	12	
	Tổng số tiền thuê đất được miễn, giảm	Tr đồng	-	
6.5	Hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP		16.116	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	31	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	16.116	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng kinh phí	Trong đó: Chương trình MTQG
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	16.116	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6.6	Hỗ trợ Chính sách hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp		-	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	17	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	-	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6.7	Hỗ trợ khác (khu vực Vĩnh Phúc cũ - thực hiện Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 05/5/2023)		2.615	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	-	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	2.615	
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	2.615	
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6.8	Hỗ trợ khác (khu vực Hòa Bình cũ)	Tr đồng	7.290	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	41	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	7.290	
6.9	Hỗ trợ khác (khu vực Phú Thọ cũ)	Tr đồng	500	
	- Số hợp tác xã được hỗ trợ	HTX	6	
	- Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	500	

Phụ lục số 02
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TỈNH PHÚ THỌ
GIẢI ĐOẠN 2026-2030

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2026	
2	Chính sách hỗ trợ thông tin	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	
3	Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân, Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	
4	Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	
5	Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	
6	Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và	Năm 2026	

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			Ủy ban nhân dân cấp xã		
7	Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	
8	Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	
9	Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	
10	Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã	Năm 2026	

Phụ lục số 03
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2026-2030

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: Chương trình MTQG
	Tổng	Tr đồng	363.200	185.500
I	HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KTTT		233.200	116.000
1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	Tr đồng	31.050	24.500
	- Đào tạo	Người	1.110	1.110
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	6.750	5.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	4.500	4.500
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	2.250	500
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
	- Bồi dưỡng	Người	15.350	12.500
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	13.000	10.500
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	6.500	5.500
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	6.500	5.000
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
	- Hỗ trợ kinh phí biên soạn, xây dựng, phát hành chương trình, giáo trình.		-	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.300	1.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	300	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	1.000	1.000
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
	- Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông.		-	
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	10.000	8.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	8.000	6.000
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	2.000	2.000
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
2	Hỗ trợ thông tin	Tr đồng	7.800	1.000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: Chương trình MTQG
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	550	50
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	7.800	1.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	7.300	500
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	500	500
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
3	Hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn	Tr đồng	6.600	3.000
	- Số THT, HTX, LHHTX, cá nhân, tổ chức được hỗ trợ	HTX	400	100
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	6.600	3.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	2.400	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	4.200	3.000
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
4	Hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX, LH HTX hoạt động hiệu quả	Tr đồng	25.500	3.000
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	25	10
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	25.500	3.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	17.500	1.000
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	8.000	2.000
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
5	Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tr đồng	38.500	16.500
	- Số HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	585	505
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	34.000	14.000
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	4.500	2.500
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
6	Hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường	Tr đồng	10.500	5.000
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	500	450
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	10.500	5.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	7.000	2.500
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	3.500	2.500
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: Chương trình MTQG
7	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	Tr đồng	112.500	62.500
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	80	55
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	112.500	62.500
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	110.000	60.000
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	2.500	2.500
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
8	Chuyển giao công trình kết cấu hạ tầng, công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác của Nhà nước		-	-
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ		-	
	Tổng giá trị tài sản được chuyển giao	Tr đồng	-	
9	Hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro	Tr đồng	750	500
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	60	60
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	750	500
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	-	
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	750	500
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
II	HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		130.000	69.500
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp tập trung		115.000	64.500
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	80	55
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	115.000	64.500
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	112.500	62.500
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	2.500	2.500
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
2	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh		15.000	5.000
	- Số THT, HTX, LHHTX được hỗ trợ	HTX	200	50
	- Tổng kinh phí được hỗ trợ	Tr đồng	15.000	5.000
	<i>Trong đó</i>		-	
	<i>Ngân sách trung ương</i>	Tr đồng	5.500	2.500
	<i>Ngân sách địa phương</i>	Tr đồng	4.500	2.500

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Trong đó: Chương trình MTQG
	<i>Nguồn vốn khác</i>	Tr đồng	-	
